



BẢN TIN KHUYẾN NÔNG BẮC KẠN



SỐ 1/2020

- * THÔNG TIN CHỦ TRƯỞNG CHÍNH SÁCH
- * KHOA HỌC KỸ THUẬT - KINH NGHIỆM SẢN XUẤT
PHỤC VỤ PHÁT TRIỂN NÔNG NGHIỆP - NÔNG THÔN

SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN TỈNH BẮC KẠN
TRUNG TÂM KHUYẾN NÔNG

MỘT SỐ HÌNH ẢNH HOẠT ĐỘNG TRONG CÔNG TÁC KHUYẾN NÔNG



Bà Đỗ Thị Minh Hoa, Phó Chủ tịch Thường trực UBND tỉnh kiểm tra tình hình sản xuất khoai tây vụ Đông năm 2019 tại huyện Chợ Mới



Ông Hoàng Văn Hùng, PGD phụ trách Trung tâm Khuyến nông phát biểu tại Hội nghị tổng kết Khuyến nông năm 2019

Ảnh bìa 1: Bà Đỗ Thị Minh Hoa, Phó Chủ tịch Thường trực UBND tỉnh trao giấy chứng nhận OCOP cho tổ chức cá nhân tại Hội nghị Tổng kết Chương trình OCOP năm 2019

ĐỊNH HƯỚNG CƠ CẤU LẠI NGÀNH NÔNG NGHIỆP THEO HƯỚNG NÂNG CAO GIÁ TRỊ GIA TĂNG VÀ PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG GIAI ĐOẠN 2020 - 2025, TẦM NHÌN ĐẾN 2035

Để khắc phục những hạn chế đang tạo thành điểm nghẽn trong phát triển đối với ngành nông nghiệp và lấy cơ cấu ngành nông nghiệp làm trọng tâm để phát triển kinh tế tỉnh, ngày 31/12/2019, UBND tỉnh Bắc Kạn đã ban hành Quyết định số 2732/QĐ-UBND về việc phê duyệt Đề án cơ cấu lại ngành nông nghiệp tỉnh Bắc Kạn theo hướng nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững giai đoạn 2020 - 2025, tầm nhìn đến 2035.

Mục tiêu đề ra trong giai đoạn 2020 - 2025 là tăng trưởng nông nghiệp ổn định hàng năm, thấp nhất bằng mức tăng trưởng nông nghiệp chung của cả nước. Chuyển dịch cơ cấu giá trị ngành nông nghiệp đến năm 2025 lấy lâm nghiệp, chế biến gỗ và dược liệu là trọng tâm của đề án cơ cấu lại ngành nông nghiệp. Đến năm 2025:

Giá trị gia tăng (VA) của lĩnh vực lâm nghiệp, chế biến gỗ theo giá so sánh đạt 2.099,1/815,7 tỷ đồng, trong đó lâm nghiệp 1.661,63/794,65 tỷ đồng tăng 2,09 lần so với hiện tại; chế biến gỗ, tre nứa 437/21,7 tỷ đồng, tăng thêm 20,1 lần so với năm 2018.

Giá trị tăng thêm của lĩnh vực trồng trọt theo giá so sánh đạt 2.380,33/1.845,44 tỷ đồng tăng 1,29 lần so với hiện tại.

Giá trị tăng thêm của lĩnh vực chăn nuôi theo giá so sánh đạt 1.161,82/721,28 tăng 1,61 lần so với hiện tại.

Tổng giá trị sản phẩm ngành nông nghiệp là 5.641,25 tỷ đồng, trong đó: Trồng trọt chiếm 42,21%, chăn nuôi chiếm 20,6%, lâm nghiệp chiếm 37,2%, thủy sản chiếm 1,16% (cơ cấu tương ứng năm 2018: Trồng trọt chiếm 54,8%,

chăn nuôi chiếm 20,9%, lâm nghiệp chiếm 23,0%, thủy sản chiếm 1,3%)

40% các sản phẩm nông lâm nghiệp chủ lực (gỗ, dược liệu, cam, quýt, hồng không hạt, trâu, bò, lợn, miến dong, chè) có truy xuất nguồn gốc và các đạt tiêu chuẩn hữu cơ hoặc VietGAP, tiêu chuẩn quản lý rừng bền vững hoặc FSC.

Góp phần cải thiện môi trường sinh thái, bảo tồn nguồn gen quý đồng thời tăng thu nhập cho nông dân. Ứng dụng công nghệ tăng trưởng xanh cho từng lĩnh vực phù hợp với điều kiện thực tế tại địa phương.

Đến năm 2035, tiếp tục giữ mức tăng trưởng nông nghiệp ổn định hàng năm thấp nhất bằng mức tăng trưởng nông nghiệp chung của cả nước.

Giá trị tăng thêm của lĩnh vực lâm nghiệp, chế biến gỗ theo giá so sánh đạt 2.683,1/2.099,1 tỷ đồng tăng 1,28 lần so với năm 2025 (sản lượng gỗ khai thác ổn định như năm 2025. Giá trị tăng thêm của chế biến gỗ, tre nứa 584 tỷ đồng, tăng 1,3 lần so với năm 2025).

Giá trị tăng thêm của lĩnh vực trồng trọt theo giá so sánh đạt 3.233,6/2.380,33 tỷ đồng tăng 1,35 lần so với năm 2025.

Giá trị tăng thêm của lĩnh vực chăn nuôi theo giá so sánh đạt 1.493,9/1.161,82 tăng 1,28 lần so với năm 2025.

Tổng giá trị sản phẩm ngành nông nghiệp đến năm 2035 là: 7.410,6/5.641,25 tỷ đồng, tăng 1,32 lần so với năm 2025, trong đó: Trồng trọt chiếm 43,6%, chăn nuôi chiếm 20,2%, lâm nghiệp chiếm 36,2%.

Cơ cấu lại ngành nông nghiệp xác định những ngành hàng có lợi thế, tiềm năng

để tập trung phát triển sản xuất theo định hướng sau:

Đối với lâm nghiệp: Là một ngành kinh tế kỹ thuật thực hiện theo chuỗi giá trị sản phẩm từ khâu quản lý rừng, trồng rừng, khai thác, chế biến, thương mại và tiêu thụ sản phẩm. Lợi thế trong sản xuất lâm nghiệp của tỉnh trên cơ sở cơ cấu lại nội bộ ngành lấy chế biến lâm sản làm trung tâm; phát huy lợi thế sản phẩm bản địa; cơ cấu lại lao động, áp dụng khoa học công nghệ với kết cấu hạ tầng đồng bộ; sản xuất gắn với tiêu thụ, trên cơ sở phát huy vai trò của kinh tế hợp tác, liên kết đa dạng. Mục đích cuối cùng là nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của cư dân nông thôn, phát triển kinh tế - xã hội bền vững.

Đối với trồng trọt: Chủ động chuyển đổi diện tích trồng lúa kém hiệu quả sang cây trồng khác có hiệu quả cao hơn, một phần chuyển sang lúa chất lượng cao sản xuất thành hàng hóa, gắn với liên kết, tiêu thụ sản phẩm; duy trì một số diện tích lúa nhất định kết hợp với thâm canh tăng năng suất để đảm bảo an ninh lương thực; hàng năm đánh giá chất lượng các loại giống, chọn lọc những giống có chất lượng, năng suất để đảm bảo thâm canh trên một đơn vị diện tích đạt năng suất cao. Giữ ổn định diện tích ngô soi bãi, chuyển diện tích ngô đồi sang cây trồng khác như: Cây công nghiệp, lâm nghiệp đa mục đích, cây ăn quả,... để nâng cao giá trị thu nhập cho một đơn vị diện tích, tăng thu nhập cho người dân gắn với bảo vệ môi trường, chống xói mòn đất.

Đối với chăn nuôi: Cải tiến hệ thống tổ chức sản xuất chăn nuôi trên địa bàn, từng bước tạo sự dịch chuyển phát triển chăn nuôi theo chiều sâu mang tính bền vững như: Chuyển từ phương thức chăn nuôi truyền thống, phân tán, quy mô nhỏ sang phương thức chăn nuôi gia trại, trang trại, hợp tác xã

và khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào lĩnh vực chăn nuôi có liên kết trong tiêu thụ sản phẩm đầu ra trên cơ sở kết hợp hài hòa giữa lợi ích kinh tế và lợi ích về môi trường. Phát triển chăn nuôi theo hướng sản xuất hàng hoá, tăng về sản lượng thịt, nâng cao chất lượng, hạ giá thành sản xuất, tập trung vào các loại vật nuôi chính mà địa phương có thế mạnh như: Trâu thịt, bò thịt, lợn địa phương, tận dụng tối đa các lợi thế của từng tiểu vùng và gắn sản xuất với nhu cầu thị trường.

Định hướng phát triển trồng rừng và chế biến gỗ từ rừng trồng là sản phẩm chủ lực của địa phương tham gia vào ngành hàng chủ lực của quốc gia theo hướng bền vững và có giá trị gia tăng cao. Tiến hành rà soát, phân vùng trồng các loại cây, đánh giá tiềm năng, nhu cầu của các chủ sở hữu rừng để chuyển đổi theo hướng tập trung để tăng năng suất, chất lượng, đáp ứng đủ nhu cầu cho công tác chế biến với quy mô lớn. Chủ động nghiên cứu, tuyển chọn đưa vào trồng các loài cây lâm nghiệp có giá trị cao, chú trọng các loài cây lâm nghiệp bản địa có giá trị trên thị trường, nghiên cứu đổi mới phương thức trồng, chu kỳ kinh doanh theo hướng kinh doanh cây gỗ lớn, tiến tới cấp chứng chỉ rừng bền vững (FSC) cho đa số diện tích rừng trồng. Hoàn thiện hệ thống đường giao thông và đường lâm nghiệp (vận suất, vận chuyển), đẩy mạnh cơ giới hóa trong việc trồng, chăm sóc, khai thác, vận chuyển lâm sản.

Phát triển trồng và chế biến dược liệu thành ngành hàng chủ lực của địa phương tham gia vào ngành hàng chủ lực của quốc gia theo hướng bền vững và có giá trị gia tăng cao. Tiến hành rà soát, đánh giá tiềm năng và nhu cầu của các hộ gia đình, các chủ sở hữu đất phù hợp với phát triển cây dược liệu, tiến hành phân vùng trồng các loại cây dược liệu

để tăng cao năng suất, chất lượng, đáp ứng đủ nhu cầu cho công tác chế biến với quy mô lớn. Chủ động nghiên cứu, tuyển chọn đưa vào trồng các loại cây dược liệu có giá trị cao, đặc biệt là các loại cây dược liệu bản địa đã phù hợp với điều kiện thổ nhưỡng, đất đai, khí hậu của địa phương; khuyến khích, kêu gọi các doanh nghiệp liên doanh, liên kết với người dân địa phương nơi có cây dược liệu để đầu tư vào trồng, chế biến tiêu thụ sản phẩm dược liệu cho địa phương. Đồng thời, nghiên cứu thị trường cho cây dược liệu được xuất khẩu ra thế giới.

Phát triển ngành hàng cây ăn quả đặc sản cam, quýt, hồng không hạt, mơ, chuối thành ngành hàng chủ lực của địa phương (trực sản phẩm cấp tỉnh) theo hướng bền vững và có giá trị gia tăng. Tiến hành rà soát, đánh tiềm năng và nhu cầu của các hộ gia đình có đất đai phù hợp với phát triển cây ăn quả, phân vùng trồng các loại cây ăn quả để có điều kiện thâm canh tăng năng suất, quy mô đủ lớn để đảm bảo cho công tác chế biến, tiêu thụ sản phẩm đáp ứng theo yêu cầu của thị trường thu mua. Chủ động nghiên cứu, tuyển chọn giống, phương thức trồng, chăm sóc, thu hoạch và chế biến để tạo ra được vùng phát triển các loại cây ăn quả đặc sản của địa phương, tiến tới sản xuất cây ăn quả theo đúng các tiêu chuẩn, quy chuẩn và đảm bảo được truy xuất nguồn gốc. Tập trung nghiên cứu thị trường cho các sản phẩm nông sản đặc sản của địa phương. Thu hút các doanh nghiệp vào liên doanh liên kết với nông dân và các tổ chức của nông dân để trồng, chế biến, tiêu thụ sản phẩm cây ăn quả đặc sản cho địa phương.

Phát triển chăn nuôi đại gia súc và lợn địa phương thành chuỗi ngành hàng cấp tỉnh. Thực hiện nghiên cứu tuyển chọn các nguồn gen quý của trâu, bò, lợn tại địa phương, đưa

ra các biện pháp kỹ thuật tiên tiến, áp dụng khoa học công nghệ mới để nhân giống để phát triển chăn nuôi theo hướng hàng hóa. Thực hiện các biện pháp kỹ thuật trong phòng, chống dịch bệnh, vệ sinh môi trường chăn nuôi để sản phẩm chăn nuôi đảm bảo các tiêu chuẩn, quy chuẩn và có truy xuất nguồn gốc. Tăng cường liên doanh liên kết để thu hút đầu tư đặc biệt khâu chế biến, bao tiêu, tiêu thụ sản phẩm.

Với định hướng cơ cấu lại vùng phát triển cho nguyên liệu cây chè và dong riềng để phát huy những lợi thế về cây chè và cây dong riềng thành ngành hàng chính của địa phương hạn chế đến mức thấp nhất việc bán nguyên liệu thô ra ngoài tỉnh các cấp, các ngành của tỉnh và địa phương tập trung các nguồn lực để đẩy mạnh công tác chế biến chè và dong riềng. Đồng thời, thúc đẩy việc đầu tư về mẫu mã, bao bì sản phẩm, xúc tiến đầu tư xây dựng thương hiệu chè và miến dong tỉnh Bắc Kạn. Tiếp tục xác định và thúc đẩy phát triển các sản phẩm đặc sản địa phương có giá trị khác trong quá trình thực hiện triển khai đề án. Phát triển các sản phẩm OCOP theo các nội dung của Đề án mỗi xã, phường một sản phẩm tỉnh Bắc Kạn phê duyệt cho giai đoạn 2020 - 2025 tầm nhìn đến năm 2035.

Tỉnh Bắc Kạn xác định cơ cấu lại ngành nông nghiệp để tạo ra đột phá trong phát triển kinh tế xã hội của tỉnh nói chung và của ngành nông nghiệp nói riêng, việc cơ cấu lại ngành nông nghiệp phải phù hợp với từng giai đoạn để nâng cao giá trị gia tăng của từng ngành hàng theo chuỗi giá trị góp phần tăng trưởng ngành nông nghiệp tỉnh Bắc Kạn thấp nhất bằng mức tăng trưởng chung của cả nước và đảm bảo yêu cầu phát triển bền vững gắn với bảo vệ môi trường./.

Nông Cúc

PHƯƠNG ÁN SẢN XUẤT VỤ XUÂN NĂM 2020

Để chủ động trong công tác chỉ đạo sản xuất nông, lâm nghiệp vụ Xuân năm 2020, ngày 13/12/2019 UBND tỉnh Bắc Kạn đã ban hành Quyết định số 2510/QĐ-UBND về việc ban hành Phương án sản xuất vụ Xuân năm 2020 với các nội dung cụ thể như sau:

1. Mục tiêu

- Tốc độ tăng trưởng GDP ngành nông, lâm nghiệp năm 2020 đạt 3,5%.

- Phấn đấu tổng sản lượng cây lương thực có hạt đạt 86.699 tấn, trong đó ưu tiên sản xuất các loại giống lúa, ngô chất lượng và năng suất cao phù hợp với điều kiện sinh thái và trình độ canh tác của tỉnh Bắc Kạn.

- Thực hiện các công thức luân canh để đạt 3.500 ha đất nông nghiệp đạt mức thu nhập từ 100 triệu đồng/ha/năm trở lên trong năm 2020.

2. Kế hoạch sản xuất vụ Xuân năm 2020

VỀ TRỒNG TRỌT

- Cây lương thực có hạt: Tổng diện tích gieo trồng 16.998 ha, tổng sản lượng lương thực có hạt là 86.699 tấn, trong đó:

+ Cây lúa: Diện tích 8.300 ha, năng suất lúa trên 56 tạ/ha, sản lượng 46.728 tấn (trong đó diện tích sản xuất lúa chất lượng gắn với tiêu thụ sản phẩm là 220 ha)

+ Cây ngô: Diện tích 8.698 ha, năng suất 46 tạ/ha, sản lượng 39.971 tấn.

- Cây chất bột: Tổng diện tích đạt 1.002 ha, trong đó khoai lang diện tích đạt 230 ha, sản lượng 1.180 tấn; khoai môn diện tích đạt 252 ha, sản lượng 2.332 tấn; dong riềng diện tích đạt 520 ha, sản lượng 39.175 tấn.

- Cây rau, đậu: Tổng diện tích đạt 1.719 ha, bao gồm: rau các loại 1.390 ha, sản lượng 17.895 tấn; đậu các loại 329 ha, sản lượng 419 tấn.

- Cây công nghiệp: Tổng diện tích trồng cây công nghiệp ngắn ngày vụ Xuân 1.833 ha, trong đó: đậu tương diện tích 235 ha, sản lượng 412 tấn; cây lạc diện tích 270 ha, sản lượng 560 tấn; cây thuốc lá diện tích 855 ha, sản lượng

2.013 tấn; cây gừng diện tích 260 ha, sản lượng 7.414 tấn; cây nghệ diện tích 95 ha, sản lượng 2.140 tấn.

- Cây chè: Diện tích 2.020 ha, diện tích chè cho thu hoạch 1.915 ha, sản lượng chè búp tươi thu được (cả năm) đạt 9.319 tấn.

- Cây ăn quả:

+ Cây cam, quýt: Diện tích 3.161 ha, diện tích cho thu hoạch là 2.222 ha, năng suất 105 tạ/ha, sản lượng 23.362 tấn.

+ Cây hồng không hạt: Diện tích 765 ha, diện tích cho thu hoạch 473 ha, sản lượng 2.282 tấn.

+ Cây mơ: Diện tích 523 ha, diện tích cho thu hoạch 264 ha, sản lượng 1.975 tấn.

+ Cây mận: Diện tích 696 ha, diện tích cho thu hoạch 435 ha, sản lượng 2.158 tấn.

+ Cây chuối: Diện tích 1.325 ha, sản lượng 14.820 tấn.

- Năm 2020, diện tích đất nông nghiệp đạt 100 triệu đồng/ha trở lên đạt 3.500 ha.

Chăn nuôi, thú y

- Sản lượng thịt hơi các loại xuất chuồng 22.024 tấn, trong đó: Sản lượng thịt trâu, bò, ngựa hơi 4.881 tấn; sản lượng thịt lợn hơi 13.301 tấn; sản lượng thịt dê hơi 369 tấn; sản lượng thịt gia cầm hơi 3.473 tấn.

- Thủy sản: Diện tích nuôi trồng thủy sản 1.392 ha; sản lượng đạt 2.515 tấn.

- Phát triển 10 mô hình chăn nuôi theo quy mô trang trại, nông hộ tập trung.

- Xây dựng phương án, kế hoạch phòng, chống dịch bệnh cho đàn vật nuôi năm 2020 và thực hiện tiêm phòng định kỳ đợt 1 năm 2020 đảm bảo tiến độ.

- Thực hiện công tác kiểm dịch vận chuyển, kiểm soát giết mổ hạn chế dịch bệnh lây lan qua đường vận chuyển; kiểm tra, giám sát điều kiện chăn nuôi, điều kiện vệ sinh thú y của các cơ sở chăn nuôi, cơ sở giết mổ.

Trồng rừng và chăm sóc rừng

- *Bảo vệ rừng*: Khoán bảo vệ rừng 95.070 ha; hỗ trợ bảo vệ rừng 168.085 ha.

- *Phát triển, nâng cao năng suất, chất lượng rừng*: Khoanh nuôi tái sinh rừng 2.095 ha; trồng rừng 5.900 ha; chăm sóc rừng trồng các năm 6.175,95 ha.

- *Sản lượng khai thác gỗ năm 2020* đạt 255.900 m³.

3. Giải pháp thực hiện

Công tác lãnh đạo, chỉ đạo

- Tăng cường tuyên truyền, vận động và hướng dẫn người dân chuyển đổi cơ cấu cây trồng, thay đổi phương thức sản xuất từ quy mô hộ nhỏ lẻ sang quy mô hợp tác xã.

- Các địa phương phối hợp chặt chẽ với Ngành Nông nghiệp và PTNT để xác định cây trồng thích hợp với điều kiện địa phương nhằm thống nhất trong chỉ đạo sản xuất từ khâu kế hoạch trồng cũng như tiêu thụ, tháo gỡ khó khăn cho người dân trong sản xuất.

- Tăng cường công tác thanh tra kiểm tra đột xuất, lấy mẫu giám sát các cơ sở sản xuất, kinh doanh sản phẩm nông, lâm sản trên địa bàn tỉnh gắn với việc thực hiện tốt Chỉ thị số 05/CT-UBND ngày 28/6/2017 về tăng cường trách nhiệm quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn giai đoạn 2017 - 2020. Phát hiện và kiên quyết xử lý các trường hợp vi phạm trong sản xuất, kinh doanh cây giống, con giống kém chất lượng, giống không rõ nguồn gốc, gây thiệt hại cho người dân.

Trồng trọt

- Bố trí bộ giống lúa phù hợp theo từng vùng sản xuất, những giống có cùng thời gian sinh trưởng và đặc điểm sinh học giống nhau cần bố trí tập trung tạo vùng sản xuất với diện tích lớn, để thuận lợi cho chăm sóc và thu hoạch.

- Hướng dẫn nông dân gieo trồng đảm bảo theo khung thời vụ đối với từng loại cây trồng; thực hiện tốt các biện pháp kỹ thuật từ khâu gieo trồng, chăm sóc đến thu hoạch.

- Làm tốt công tác dự tính, dự báo sâu bệnh; tham mưu kịp thời cho các cấp, ngành chỉ đạo phòng trừ sâu bệnh đảm bảo an toàn, hiệu quả; quản lý tốt chất lượng thuốc bảo vệ thực vật.

- Tăng cường công tác kiểm tra việc chấp hành pháp luật đối với sản xuất kinh doanh giống cây trồng, vật tư nông nghiệp.

Chăn nuôi, thủy sản

- Tận dụng cơ sở hạ tầng sẵn có từ những chuồng nuôi lợn để trồng để chuyển đổi loài nuôi như: Vỗ béo trâu, bò, chăn nuôi gia cầm để đảm bảo nguồn thực phẩm phục vụ tại chỗ và xuất ra ngoài địa bàn tỉnh.

- Khuyến khích những trang trại chăn nuôi lợn an toàn trên địa bàn sản xuất con giống cung cấp cho nhân dân địa phương tái đàn lợn sau dịp tết Nguyên đán.

- Đẩy mạnh ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật trong chăn nuôi, tổ chức thực hiện tốt các chương trình, dự án do Trung ương hỗ trợ phát triển chăn nuôi; khuyến khích, mời gọi và tạo điều kiện thuận lợi cho các tổ chức, cá nhân tham gia đầu tư xây dựng các dự án phát triển chăn nuôi quy mô trang trại, đảm bảo an toàn sinh học, có liên kết trong tiêu thụ sản phẩm.

- Tăng cường cập nhật thông tin, công tác dự báo về xu thế, tình hình chăn nuôi, thị trường giá cả; hỗ trợ công tác quảng bá sản phẩm; kết nối thị trường. Tập trung lựa chọn một số sản phẩm chăn nuôi chủ lực (thịt trâu, bò khô, lạp sườn,..) để xây dựng thương hiệu, liên doanh, liên kết với các cửa hàng, siêu thị.

- Tiếp tục tổ chức thực hiện tốt công tác tiêm phòng định kỳ cho đàn vật nuôi; xây dựng các vùng, cơ sở an toàn dịch bệnh; gắn chăn nuôi với đảm bảo yêu cầu về vệ sinh môi trường, xử lý chất thải theo quy định; thực hiện tốt công tác kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật theo đúng quy định của Luật Thú y.

- Đẩy mạnh công tác nuôi trồng, thủy sản, tập trung thực hiện tốt các biện pháp kỹ thuật thâm canh trong chăm sóc, nuôi trồng, quản lý

(Xem tiếp trang 9)

HƯỚNG DẪN KỸ THUẬT LÀM GIÀU RỪNG BẰNG CÂY BẢN ĐỊA

Khoanh nuôi tái sinh, làm giàu rừng là giải pháp lâm sinh nhằm nâng cao năng suất và chất lượng rừng có định hướng bằng cách trồng bổ sung một số lượng nhất định cây mục đích, giá trị kinh tế cao nhằm kinh doanh rừng theo hướng bền vững cả về kinh tế, sinh thái môi trường và bảo vệ đa dạng sinh học.

1. Mục tiêu

- Tăng khả năng tái sinh tự nhiên có sự can thiệp hợp lý của con người thúc đẩy quá trình tái tạo rừng thông qua các biện pháp kỹ thuật lâm sinh bảo đảm sự phát triển về chất lượng của rừng, giảm giá thành đầu tư cho trồng rừng, phát huy chức năng phòng hộ, nâng cao giá hiệu quả kinh tế của rừng, góp phần tăng thu nhập, giảm nghèo, ổn định về sinh kế giảm nguy cơ khai thác gỗ trái phép, thúc đẩy hoạt động quản lý rừng bền vững.

- Chuyển giao khoa học công nghệ kỹ thuật lâm sinh làm giàu rừng, có trồng bổ sung bằng cây bản địa hướng tới quản lý rừng bền vững.

2. Nguyên tắc kỹ thuật

Tận dụng hoàn cảnh rừng đối với cây trồng để xây dựng rừng với cây trồng làm giàu chiếm đa số, hỗn loài với cây sẵn có trong rừng tự nhiên.

Loài cây trồng làm giàu là những loài cây địa phương, có giá trị kinh tế cao, sinh trưởng nhanh (giổi xanh, lim xanh, trám, lát hoa,...).

Tiêu chuẩn cây con theo yêu cầu của khoanh nuôi xúc tiến, làm giàu rừng.

Kỹ thuật, thời vụ chăm sóc đặc biệt quan tâm.

Lựa chọn loài cây phù hợp với điều kiện lập địa, hoàn cảnh rừng.

3. Đối tượng khoanh nuôi tái sinh, làm giàu rừng có trồng cây bổ sung

Nương rẫy bỏ hoang, đất có trảng cỏ, cây bụi xen cây gỗ có mật độ cây tái sinh mục đích đạt chiều cao trên 0,5 m đối với rừng sản xuất từ 100 cây/ha đến dưới 500 cây/ha. Thực hiện

ở những khoảng trống có diện tích từ 200m² đến dưới 1.000m² hoặc những nơi cây rừng phân bố không đều.

4. Chọn loài cây trồng và lập địa

Các loài cây bản địa được lựa chọn là cây thích hợp với điều kiện lập địa nơi trồng rừng và sản phẩm có giá trị thương mại cao, các loài cây được trồng thành công tại địa phương như cây: Trám, lát hoa, giổi xanh, chò nâu, chò chỉ và mỡ,...

Cây bản địa thường yêu cầu nơi có lập địa tốt; có điều kiện khí hậu và địa hình phù hợp hoặc loài cây lựa chọn có mọc tự nhiên trong vùng.

Đất còn tính chất đất rừng, đất có hàm lượng mùn cao, độ ẩm cao, tầng đất dày



Mô hình "khoanh nuôi tái sinh làm giàu rừng tự nhiên nghèo kiệt có trồng bổ sung bằng cây bản địa hướng tới quản lý rừng bền vững năm 2019" tại xã Rã Bản, huyện Chợ Đồn

trên 50cm, đất thịt, ít đá lẫn, độ dốc nhỏ.

5. Biện pháp thực hiện việc khoanh nuôi tái sinh, làm giàu rừng có trồng bổ sung

Trồng rừng:

Phương thức trồng: Trồng bổ sung vào những đám trống trong rừng tự nhiên nghèo.

Thời vụ trồng:

+ Vụ Xuân từ tháng 2 đến tháng 6.

+ Vụ Thu tháng 8 đến tháng 9.

Mật độ trồng:

- Tùy vào tình hình sinh trưởng của lô rừng và loài cây mà xác định mật độ phù hợp. Trồng bổ sung các loài cây bản địa trong các khoảng trống của lâm phần rừng, những vị trí không có cây gỗ, cây mục đích tái sinh.

- Mật độ trồng: Tùy theo diện tích để xác định số cây trồng rừng trong một đám trống và những khu vực không có cây gỗ, cây mục đích tái sinh:

+ Hàng cách hàng bằng đường kính bình quân tán ở tuổi khai thác chính (hàng cách hàng khoảng 8 – 10 m).

+ Cây cách cây từ 1/3 đến 1/2 lần đường kính tán bình quân ở tuổi khai thác chính (cây cách cây khoảng 4 – 5 m).

Mật độ trồng khoảng 200 cây/ha. Chủ rừng căn cứ hướng dẫn trên để xác định khu vực trồng cây trong lâm phần rừng.

Không trồng vào những khu vực đã có cây gỗ hoặc cây gỗ mục đích tái sinh đảm bảo

mật độ, ở những khu vực này cần phát chăm sóc, xới cỏ, vun gốc để xúc tiến tái sinh tự nhiên.

Phương pháp xử lý thực bì, làm đất:

Thiết kế băng hay rạch: Với địa hình tương đối bằng phẳng thiết kế băng hay rạch theo hướng Đông – Tây với địa hình có độ dốc lớn hơn 15° thiết kế băng hay rạch theo đường đồng mức.

- Kích thước băng hay rạch: Tùy theo điều kiện thực bì của từng địa phương có thể vận dụng công thức sau:

$$L = H/2 \text{ hoặc } 2H/3$$

Trong đó: L là chiều rộng của băng hoặc rạch trồng.

H là chiều cao trung bình của tầng cây cao.

- Đối tượng trồng rừng có chiều cao trung bình của tầng cây cao từ 8 - 10 m, rạch trồng rộng từ 5 - 6 m, băng chừa rộng 8 m.

- Đối tượng trồng rừng có chiều cao trung bình của tầng cây cao từ 10 - 12 m, băng trồng rộng từ 7 - 8 m, băng chừa rộng 10 m.

- Đối tượng trồng rừng có chiều cao trung bình của tầng cây cao từ 12 - 15 m, băng trồng rộng từ 9 - 10 m, băng chừa rộng 12 m.

- Với các đối tượng trồng rừng có chiều cao trung bình của tầng cây cao trên 15 m chiều rộng của băng hoặc rạch trồng được phát rộng hơn quy định nêu trên nhưng không quá 2/3 chiều cao của tầng cây cao.

- Xử lý thực bì: Trên băng trồng thực bì được phát sạch đến gốc sau đó dọn ra hai bên, tuyệt đối không chặt cây tái sinh mục đích và cây gỗ kinh tế; chỉ chặt bỏ hay ken chết các cây không phải là cây tái sinh mục đích có giá trị kinh tế.

- Cuốc hố: Trên mỗi rạch cuốc 1 hàng hố. Trong trường hợp hố trồng trùng với 1 cây tái sinh được để lại hay cây có đường kính > 10 cm thì không cuốc hố đó. Hố ngoài cùng phải cách mép của băng chừa tối thiểu 2 m.

Thiết kế theo đám:

- Đối tượng: Đám trống có diện tích nhỏ nhất từ 200m² trở lên trong rừng nghèo kiệt hay rừng non phục hồi.

- Xử lý thực bì: Trong các đám trống thực bì được phát sát đến gốc, băm nhỏ, dọn ra ngoài, chặt bỏ hoặc ken chết cây không phải là cây kinh tế, cong queo, sâu bệnh có đường kính nhỏ hơn 10 cm, chừa lại cây tái sinh mục đích không chặt. Đám rừng xung quanh lỗ trống phải chặt bỏ dây leo, hoặc xử lý tán cây lớn có ảnh hưởng đến cây trồng trong đám.

- Cuốc hố: Lấy tâm điểm của đám trống để cuốc hố, trong đám trống hố được bố trí cách đều nhau với cự li 5x10m, hố ngoài cùng phải cách bìa đám trống tối thiểu là 2 m.

Phát dọn thực bì cục bộ: Đường kính 2 - 3m, chỉ phát cỏ, dây leo, cây bụi. Không được

đốt, cần chừa lại các cây tái sinh tự nhiên mục đích có giá trị.

Cuốc hố cục bộ lấy tâm điểm của đám trống để cuốc hố, đám trống hố được bố trí cách đều nhau.

Kỹ thuật cuốc hố, lấp hố:

- Kích thước hố: 40x40x40 cm

Khi đào hố để riêng lớp đất mặt về phía trên miệng hố theo hướng dốc, đất tầng dưới để riêng, nhặt sạch đá cục, rễ cây trong hố.

- Kỹ thuật lấp hố:

Sau khi đào hố từ 5 - 7 ngày tiến hành lấp hố, kết hợp bón lót phân NPK 5-10-3 hoặc phân chuồng hoai (liều lượng bón 200g/hố), lấy phần đất mặt cho xuống phía đáy hố đảo đều lượng phân bón lót, phần đất tầng dưới lấp bên trên.

Hố được làm xong trước khi trồng cây từ 15 - 20 ngày.

Tiêu chuẩn cây con:

Tuổi cây: 18 - 24 tháng tuổi, chiều cao từ 0,6 - 0,8m và đường kính gốc từ 0,4 - 0,5cm, cây phát triển bình thường khỏe mạnh, không bị vỡ bầu, bộ rễ phát triển tốt, không sâu bệnh, không vàng úa hoặc cụt ngọn, không có dấu hiệu nhiễm bệnh hoặc bị tổn thương.

Vận chuyển cây con đem trồng: Để tránh ảnh hưởng đến tỉ lệ sống và sinh trưởng ban đầu của cây con, cần giảm thiểu các tổn thương trong quá trình vận chuyển cây con đem trồng. Ở vườn ươm, cho cây giống vào các túi ni-lon,

hộp, khay phù hợp, cẩn thận đặt cây thẳng đứng và buộc lỏng các thân lại với nhau. Khi đến hiện trường, kiểm tra và loại bỏ những cây bị hư hỏng hoặc tổn thương như gãy thân, héo, khô ngọn. Nếu cây giống không thể trồng ngay hoặc trồng không hết, cần xếp cây cẩn thận vào nơi bằng phẳng dưới bóng râm, thoát nước, hàng ngày tưới chăm sóc.

Kỹ thuật trồng:

Dùng cuốc moi đất ở giữa hố tùy theo kích thước của bầu cây mà cuốc hố trồng đảm bảo phủ một lớp đất dày từ 3 - 4cm trên mặt bầu.

Sử dụng dao sắc hoặc tay xé bỏ vỏ bầu và gỡ nhẹ túi bầu ra khỏi bầu, tránh làm vỡ kết cấu ruột bầu. Đặt cây ngay ngắn vào giữa hố sao cho mặt bầu thấp hơn mặt đất tự nhiên quanh hố từ 1 - 2cm. Lấp đất ngập một nửa chiều cao bầu và ấn nhẹ, tiếp tục vun đất đầy cao hơn mặt bầu.

6. Chăm sóc rừng

Chăm sóc rừng trồng tiến hành chăm sóc ít nhất trong 3 năm (kể cả năm trồng mới).

Chăm sóc năm thứ nhất:

Chăm sóc 1- 2 lần

- Trồng dặm: Sau khi trồng khoảng 15 ngày tiến hành kiểm tra cây trồng để trồng dặm. Kiểm tra tất cả cây trên toàn bộ diện tích nếu cây bị chết, cây bị tổn thương như gãy, bị côn trùng cắn, cây khô ngọn do héo tiến hành trồng thay thế.

- Nếu trồng vụ Xuân chăm sóc 2 lần vào trước mùa mưa và cuối mùa khô.

- Nếu trồng vụ Thu chăm sóc 1 lần vào cuối mùa khô.

- Kỹ thuật chăm sóc: Phát quang thực bì, dây leo, cỏ dại xâm lấn cây mới trồng, làm cỏ xới gốc với đường kính 1m xung quanh gốc cây mới trồng. Khi chăm sóc cần chăm sóc, bảo vệ các cây tái sinh mục đích là cây gỗ có giá trị kinh tế.

Năm thứ hai: Chăm sóc 3 lần

- Lần 1: Phát dây leo, bụi rậm, cành cây ở rạch chừa xâm lấn cây trồng vào đầu mùa Xuân.

- Lần 2: Làm cỏ, vun xới gốc với đường kính 1m xung quanh gốc, kết hợp phát quang dây leo, cây bụi xâm lấn.

- Lần 3: Phát quang thực bì dây leo, cây bụi xâm lấn cây trồng vào cuối mùa khô.

Năm thứ ba: Chăm sóc 2 lần

- Lần 1: Phát thực bì, dây leo cây bụi xâm lấn cây trồng vào đầu mùa Xuân.

- Lần 2: Phát thực bì, dây leo, kết hợp xử lý tán cây có hưởng đến cây trồng vào đầu mùa mưa.

Điều chỉnh mật độ và tán cây khác: Với phương thức trồng rừng theo băng, rạch hay theo đám từ năm thứ 2 trở đi phải xử lý cành nhánh của cây cao ở băng chừa có ảnh hưởng đến sinh trưởng của cây trồng.

7. Đối với rừng tự nhiên (quản thế rừng)

- Phát thực bì: Phát toàn bộ cỏ dại, cây bụi không có giá trị trong các rạch trồng cây bổ sung (giỏi xanh) và trong các rạch chừa; cắt và gỡ dây leo quấn quanh cây trồng, cây tái sinh mục đích; chừa lại toàn bộ cây tái sinh tự nhiên không được chặt và chăm sóc như cây trồng. Phát dọn thực bì không được đốt, cắt ngắn phù hợp và gom lại vận chuyển ra khỏi bì rừng theo băng để phòng chống cháy rừng.

- Lập biển báo, gài tuyến đường vào khu vực làm giàu rừng để cảnh báo người dân biết không tác động, chặn thả gia súc, gây cháy rừng làm hại đến cây đã trồng.

- Tuần tra bảo vệ chống cháy rừng, chống người và gia súc phá hoại, tuyên truyền vận động đối với những người dân

sống ven rừng được biết và thực hiện.

8. Bảo vệ rừng trồng

- Phòng chống mối: Sau khi trồng 15 ngày tiến hành kiểm tra xem có bị mối phá hoại cây mới trồng để có biện pháp xử lý.

- Phòng trừ sâu bệnh hại: Sau khi trồng xong phải thường xuyên theo dõi tình hình sâu, bệnh hại của cây trồng. Khi phát hiện có sâu, bệnh hại phải kịp thời xử lý, tùy theo mức độ nhiễm sâu, bệnh hại mà có các biện pháp phòng, trừ thích hợp.

- Làm băng cản lửa phòng chống cháy rừng: Đầu mùa khô tiến hành làm băng cản lửa bao quanh diện tích thực hiện mô hình với chiều rộng băng cản lửa là 10 m.

9. Khai thác

Sau 20 - 30 năm trồng có thể tiến hành khai thác chọn các loài cây bản địa và trồng bổ sung theo lỗ trống trong các băng trồng cây. Lựa chọn những cây đường kính lớn có thể bán được gỗ xẻ để khai thác, sau đó trồng bổ sung vào lỗ trống đã khai thác. Ngoài ra trong quá trình chăm sóc, nuôi dưỡng rừng nếu các cây gỗ lớn mọc tự nhiên trong các băng chừa đến tuổi cho khai thác thì có thể khai thác chọn để lấy sản phẩm.

10. Vệ sinh rừng sau khai thác

Sau khi khai thác, tiến hành dọn vệ sinh rừng bằng cách lấy toàn bộ các sản phẩm gỗ, cành to có thể sử dụng làm củi, cành nhánh và lá để lại nhằm hoàn trả lại cho đất chất hữu cơ, tăng độ phì nhiêu cho đất.

Thể Hiện

PHƯƠNG ÁN SẢN XUẤT...

(Tiếp theo trang 5)

sức khỏe động vật thủy sản để tăng năng suất, sản lượng.

Lâm nghiệp

- Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, phổ biến các văn bản pháp luật liên quan đến công tác quản lý, bảo vệ và phát triển rừng; tăng cường quản lý, bảo vệ tốt diện tích rừng tự nhiên hiện có, ngăn chặn khai thác trái phép gỗ rừng tự nhiên trong các khu rừng đặc dụng, các khu rừng phòng hộ trọng yếu và tại các khu vực giáp ranh và chống chặt phá rừng để lấy đất sản xuất, trồng rừng, chuyển sang mục đích khác.

- Thường xuyên kiểm tra, giám sát việc sử dụng rừng, chuyển mục đích sử dụng rừng đảm bảo đúng mục đích, đúng quy định.

- Chỉ đạo, hướng dẫn và đôn đốc việc trồng lại rừng sau khai thác, thực hiện chăm sóc tốt diện tích rừng trồng đang trong chu kỳ chăm sóc và rừng trồng những năm trước đây; thực hiện chăm sóc tái sinh chồi Mỡ theo đúng quy trình kỹ thuật, thực hiện tốt công tác chuẩn bị cây giống cho công tác trồng rừng.

Công tác thủy lợi

Chỉ đạo các đơn vị, địa phương tăng cường công tác quản lý, vận hành các công trình thủy lợi, tập trung sửa chữa, nạo vét kênh mương, bảo dưỡng, sửa chữa các trạm bơm và máy bơm; xây dựng kế hoạch tưới; xây dựng phương án phòng chống hạn cho cây trồng. Tăng cường công tác kiểm tra các công trình thủy lợi và công tác tưới phục vụ sản xuất vụ Xuân năm 2020; thực hiện tốt phương án phòng chống thiên tai - tìm kiếm cứu nạn.

Nguyễn Hồng

PHÒNG VÀ TRỊ BỆNH KÝ SINH TRÙNG NGUY HIỂM THƯỜNG GẶP TRÊN CÁ NUÔI

1. Bệnh trùng bánh xe:

Trùng bánh xe hay còn gọi là trùng mặt trời, mặt bụng có dạng hình tròn nhìn nghiêng có dạng hình chuông, ở trong có nhiều hạch lớn gồm nhiều hình móng ngựa sít vào nhau và hạch tròn ở giữa, có 2 - 3 vòng tiêm mao dùng để bơi trong nước, trùng bánh xe bám vào da và mang cá là nhờ vòng móc bám bằng kiti ở mặt bụng.

Trùng bánh xe sinh sản bằng cách phân đôi, khi gặp điều kiện bất lợi trứng tạo thành bào nang tiếp tục phân chia tích tụ ở bùn đáy ao khi gặp điều kiện thuận lợi thì chúng phá bào nang chui ra ngoài môi trường nước tiếp tục đời sống ký sinh trên động vật thủy sản.

Đối tượng nhiễm bệnh:

Hầu hết các loài cá nuôi nước ngọt, đặc biệt chúng gây tác hại lớn ở giai đoạn cá hương và cá giống.

Mùa vụ xuất hiện bệnh:

Quanh năm nhưng phổ biến nhất vào mùa Xuân và đầu mùa Hạ.

Dấu hiệu bệnh: Khi cá mới mắc bệnh thường ngứa ngáy bơi không định hướng, tiếp đến nổi từng đàn lên mặt nước, một số con tách đàn bơi quanh bờ, nguyên nhân do trùng ký sinh phá hủy các tơ mang khiến cá bị ngạt thở, riêng đối với cá tra giống thường nhô hẳn lên mặt nước và lắc mạnh người ta thường gọi là bệnh (lắc đầu) khi bị bệnh nặng thân cá thường có nhiều nhớt màu trắng đục, mang bạc trắng.

Biện pháp phòng bệnh:

Áp dụng biện pháp phòng bệnh tổng hợp; xử lý mùn bã hữu cơ ở đáy ao; không nuôi cá ở mật độ quá cao; tránh gây sốc cho cá nuôi, nhất là sốc nhiệt.

Trị bệnh: Tắm nước muối (NaCl) 2 - 3% trong thời gian 5 - 10 phút.

Dùng Sunfat đồng (CuSO_4) tắm với nồng độ 3 - 5g/m³ trong thời gian 5 - 10 phút hoặc phun xuống ao với nồng độ 0,3 - 0,5g/m³.

Dùng fomalin tắm với nồng độ 200 - 250ml/m³ thời gian tắm từ 30 - 35 phút hoặc phun xuống ao 20 - 25ml/m³.

2. Bệnh trùng quả dưa (bệnh đốm trắng trên cá nước ngọt)

Toàn thân phủ nhiều lông tơ nhỏ theo các đường sọc dọc trông giống quả dưa nên có tên là trùng quả dưa, ở giữa thân có hạch lớn hình móng ngựa trùng có miệng tròn ở phía trên dùng để bám và hút chất dinh dưỡng trên cá chúng chuyển động tròn hướng về phía trước nhờ vào các tiêm mao.

Khi rời cá chúng tạo thành bào nang thời gian sinh trưởng của chúng kéo dài khoảng từ 18 - 19 giờ ở nhiệt độ 22 - 25°C. Ấu trùng phá thủng bào nang chui ra ngoài sống tự do trong nước 2 - 3 ngày, khi tiếp xúc với

(Xem tiếp trang 13)



Một số loại trùng bánh xe

HƯỚNG DẪN KỸ THUẬT THÂM CANH, CẢI TẠO CÂY MƠ

Thực hiện Quyết định số 2488/QĐ-UBND ngày 10/12/2019 của UBND tỉnh Bắc Kạn về việc giao chỉ tiêu kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2020, để góp phần tăng năng suất, chất lượng sản phẩm đối với một số cây ăn quả chủ lực như cây mơ, ngày 02 tháng 3 năm 2020 Sở Nông nghiệp và PTNT Bắc Kạn ban hành văn bản số 312/SNN-BVTV về việc thực hiện thâm canh, cải tạo một số cây trồng chủ lực, trong đó có kỹ

thuật thâm canh cải tạo cây mơ, với các nội dung cụ thể như sau:

I. Kỹ thuật thâm canh

1. Đốn tỉa, tạo tán

- Đối với những diện tích trồng mới: Trong hai năm đầu tiến hành đốn tạo tán cho cây, khi cây mơ cao khoảng 1m nên cắt bỏ cành ngọn nhằm hạn chế chiều cao của cây mơ để tiện cho công tác chăm sóc.

- Đối với những diện tích thời kỳ kinh doanh: Hàng năm sau mỗi vụ thu hoạch tiến hành

cắt tỉa những cành quá nhỏ (cành tăm), cành mọc dài, cành trong tán lá, cành sâu bệnh.

2. Chăm sóc, bón phân

a) Làm cỏ, tưới nước

- Hàng tháng kiểm tra làm sạch cỏ dại, dùng cỏ khô tủ quanh gốc giữ ẩm cho cây vào mùa khô.

- Thường xuyên tưới đủ ẩm cho cây nhất là thời kỳ ra hoa và nuôi quả.

b) Bón phân

* Lượng phân bón: Đơn vị tính cho 01 ha (400 cây)

Tuổi cây	Lượng giống (Cây)	Lượng phân (kg)				Vôi bột (kg)
		Phân hữu cơ	Lân Supe	Đạm Urê	Kali Clorua	
Năm thứ nhất	400	10.000	200	150	100	400
Năm thứ hai			400	150	120	
Năm thứ 3			400	180	160	
Năm thứ 4			600	200	280	
Từ năm thứ 5 trở đi		12.000	600-700	200-250	300-320	

* Thời gian bón: Bón 3 lần/năm.

- Đối với cây mơ thời kỳ kiến thiết cơ bản (thời kỳ chưa có quả):

+ Lần 1: Tháng 2 - 3 bón 30% lượng phân lân + 30% lượng phân đạm urê + 25% lượng phân kali;

+ Lần 2: Tháng 5 - 6 bón 30% lượng phân lân + bón 40% lượng phân đạm urê + 25% lượng phân kali;

+ Lần 3: Tháng 10 - 11 bón 40% lượng phân lân + 30% lượng phân đạm urê + 50% lượng phân kali. (Riêng phân hữu cơ bón lót 100% vào năm thứ nhất).

Hoặc bón phân N.P.K loại 5.10.3.8, lượng bón từ 1,5 - 2 kg/cây; phân hữu cơ vi sinh bón 1 - 2 kg/cây.

- Đối với cây mơ thời kỳ kinh doanh (thời kỳ cho quả):

+ Lần 1: Tháng 1 - 2 bón 50% lượng phân lân + 50% lượng phân đạm urê + 60% lượng phân kali;

+ Lần 2: Tháng 5 - 6 bón 30% lượng phân lân + bón 20% lượng phân đạm urê + 20% lượng phân kali;

+ Lần 3: Tháng 9 - 10 bón 100% lượng phân hữu cơ + 20% lượng phân lân + 30% lượng phân đạm urê + 20% lượng phân kali.

Hoặc có thể dùng phân N.P.K loại 5.10.3 hoặc loại phân N.P.K 12.5.10 bón cho mơ với lượng bón từ 2 - 3 kg/cây; phân hữu cơ vi sinh bón 2 - 3 kg/cây.

* Cách bón: Dùng cuốc đào rãnh hoặc cuốc hố theo mép ngoài hình chiếu tán cây, rãnh sâu 15 - 20 cm, rộng 20 - 25 cm (tuỳ lượng phân bón) trộn đều các loại phân bón, bón vào rãnh, tiến hành lấp đất ngay và tủ bằng cỏ khô.

3. Phòng trừ sâu bệnh hại

a) Sâu róm:

* Thời gian phát sinh và gây hại: Thường xuất hiện gây hại vào tháng 5 - 7, sâu ăn lá

làm giảm diện tích quang hợp của cây, hạn chế sinh trưởng.

* Biện pháp quản lý: Khi mật độ sâu cao thì tiến hành phun trừ bằng một trong các loại thuốc như: Decis 2.5EC, Trebon 10EC...

b) Sâu đục thân

* Thời gian phát sinh và gây hại:

- Trưởng thành xuất hiện và đẻ trứng vào khoảng tháng 4 - 6 hằng năm. Trưởng thành là loại xén tóc màu nâu thường đẻ trứng vào chỗ nứt của vỏ, sâu non nở ra đục vào thân cây, thỉnh thoảng đục một lỗ nhỏ để đùn phân ra ngoài.

- Sâu gây hại làm cây sinh trưởng kém, lá vàng dần, năng suất giảm, hại nặng làm cây chết.

* Biện pháp quản lý:

- Vào tháng 2 - 3 hàng năm, tiến hành quét vôi hoặc thuốc Boocdo quanh thân, gốc cây.

- Vào tháng 4 - 6 bắt diệt xén tóc trưởng thành vào sáng sớm và chiều tối.

- Dùng gai mây hoặc dây sắt luồn vào lỗ đục để tiêu diệt sâu non.

- Tỉa cành thường xuyên để cành thông thoáng; cắt cành mới héo do sâu đục cành gây ra.

- Dùng xi lanh bơm nước thuốc trừ sâu (ví dụ như thuốc Patox 95SP...) hoặc dùng bông thấm nước thuốc nhét vào lỗ đục, sau đó lấy đất thịt bịt kín lỗ đục lại.

c) Rệp

* Thời gian phát sinh và gây hại:



Cán bộ kỹ thuật hướng dẫn cách bón phân cho cây mơ tại xã Đôn Phong, huyện Bạch Thông

- Thường gây hại vào các đợt lộc.

- Rệp thường bám trên các chồi non hoặc lá để hút nhựa cây làm cho cành lá quăn queo, lá bị phồng.

* Biện pháp quản lý:

- Thường xuyên tỉa cành tạo tán kết hợp bón phân cho cây sinh trưởng tốt.

- Khi mật độ rệp cao cần phun trừ bằng một trong các loại thuốc sau: Admire 50EC, Actara 25WG, Confidor 100SL...

Chú ý: Khi phun thuốc phải phun ướt đều lá.

d) Bệnh chảy gôm

* Điều kiện phát sinh và gây hại:

- Bệnh do nấm gây ra.

- Tác hại: Bệnh làm cho cây sinh trưởng chậm, làm giảm năng suất, cây suy yếu và chết.

- Điều kiện phát triển: Thường hại ở phần gốc sát mặt đất, vườn cây rậm rạp, ít ánh sáng.

* Biện pháp quản lý:

- Thoát nước tốt cho vườn cây.

- Tỉa cành, tạo tán cho vườn cây thông thoáng.

- Sử dụng phân hữu cơ vi sinh học, phân chuồng hoại mục ủ với chế phẩm vi sinh Trichodemar để phòng trừ nấm bệnh tồn tại trong đất.

- Hằng năm quét vôi vào gốc cây hai lần vào đầu và cuối mùa mưa, chiều cao của vết quét ít nhất là 50 cm kể từ gốc cây để phòng bệnh.

- Khi cây bị bệnh dùng dao cạo sạch phần vỏ quanh vết bệnh (cạo đến phần gỗ) sau đó sử dụng các thuốc như Aliette, Ridomyl Gold... pha đậm đặc quét lên vết bệnh.

II. Kỹ thuật cải tạo

1. Mục đích, Yêu cầu

Mục đích

Nhằm cải tạo cây mơ sinh trưởng kém, năng suất thấp phục hồi trở lại, sinh trưởng,

phát triển tốt, tăng năng suất, chất lượng khi thu hoạch so với trước khi cải tạo.

Yêu cầu

Xác định các biện pháp kỹ thuật phù hợp để áp dụng hợp lý đối với những cây mơ sinh trưởng kém, năng suất thấp.

2. Kỹ thuật cải tạo

Đốn cải tạo

* Các phương pháp đốn:

- Đốn trẻ lại: Đối với những cây từ năm thứ 9 - 10, tập trung đốn cành mọc dày, cành già yếu.

- Đốn phục hồi: Đối với những cây già cỗi tiến hành đốn đau cả cành to, để lại gốc và các cành khỏe nhất.

* Thời vụ đốn: Sau khi thu hoạch quả cây bắt đầu rụng lá.

Chăm sóc sau cải tạo

* *Tưới nước*: Sau quá trình cải tạo, cần đảm bảo chế độ nước tưới phù hợp cho cây để cây sinh trưởng tốt, thuận lợi cho quá trình bật lộc mới, đảm bảo chế độ ẩm cho đất bằng cách tủ gốc giữ ẩm thường xuyên.

* *Bón phân*: Cần đảm bảo chế độ bón phân, cung cấp dinh dưỡng cho cây phục hồi và phát triển bộ tán mới và cho thu hoạch. Bón phân cho cây mơ cải tạo, áp dụng lượng bón phân vô cơ như phần thâm canh. Bên cạnh đó tăng cường bón phân hữu cơ cải tạo đất với lượng 30 - 50 tấn/ha.

* *Phòng trừ sâu, bệnh hại*: Thường xuyên kiểm tra, phát hiện các đối tượng dịch hại trên cây để có biện pháp phòng trừ kịp thời các loại sâu bệnh hại.

Nguyễn Hồng

PHÒNG VÀ TRỊ BỆNH...

(Tiếp theo trang 10)

ca thì bám vào ký sinh ở da và mang cá.

Đối tượng nhiễm bệnh:

Hầu hết các loài cá nuôi nước ngọt đặc biệt là các loài cá da trơn thì nhạy cảm hơn.

Mùa vụ xuất hiện bệnh:

Bệnh xuất hiện vào mùa Xuân, mùa Thu và mùa Đông.

Dấu hiệu bệnh:

Cá bị bệnh thường nổi đầu, bơi lờ đờ quấy mạnh hoặc cọ mình vào cây cỏ thủy sinh, da mang cá bị bệnh tiết nhiều dịch nhày và có màu sắc nhợt nhạt. Ở cá trê giống khi bị bệnh này thường có hiện tượng treo râu, khi bệnh nặng trên vây, da mang thường có nhiều trùng bám thành hạt lấm tấm, màu hơi trắng đục, có thể thấy rõ bằng mắt thường.

Phòng bệnh:

Áp dụng biện pháp phòng bệnh tổng hợp; sau mỗi vụ nuôi cải tạo vệ sinh ao bằng vôi bột và phơi ao từ 5 - 7 ngày tiến hành vào các ngày nắng ấm.

Trị bệnh:

Dùng fomalin phun trực tiếp xuống ao/bể nuôi cá với lượng 20 - 25ml/m³ nước thực hiện liên tục 3 lần, mỗi lần cách nhau 3 ngày.

3. Bệnh rận cá:

Các giống rận gây bệnh cho cá có đặc tính tự bảo vệ bằng cách thay đổi màu sắc sao cho gần giống với màu sắc của cá, kích thước

của rận tương đối lớn khoảng 5 - 7 mm bằng mắt thường có thể nhìn rõ.

Đối tượng nhiễm bệnh:

Hầu hết các loại cá nuôi nước ngọt.

Mùa vụ xuất hiện bệnh:

Bệnh thường xuất hiện vào mùa Xuân.

Dấu hiệu bệnh:

Cá ngứa ngáy vận động mạnh, bơi cuống đại, cường độ bắt mồi giảm, đối với cá nuôi lồng có thể nghe tiếng lách tách ở lồng khi cá nhiễm bệnh.

Biện pháp phòng trị bệnh:

- Áp dụng biện pháp phòng bệnh tổng hợp; treo túi vôi ở đầu gió và cống cấp nước vào ao lượng từ 2 - 4kg/túi.

- Trị bệnh dùng KMnO₄ nồng độ 10g/m³ tắm cho cá trong 30 phút; dùng fomalin nồng độ 20 - 25ml/m³ phun xuống ao.

Thời gian tắm hóa chất cho cá bị nhiễm ký sinh trùng phụ thuộc vào sức khỏe của cá tại thời điểm xử lý, nếu cá khỏe có thể tăng thời gian tắm hóa chất lên và ngược lại thấy cá yếu thì giảm thời gian tắm cho cá. Trong suốt quá trình tắm cho cá cần phải theo dõi thường xuyên, tạo ôxy cho cá bằng cách lắp đặt máy sục khí.

Nguyễn Hương

NỮ GIÁM ĐỐC TÂM HUYẾT XÂY DỰNG CHUỖI GIÁ TRỊ TỪ CÂY LÚA



Chị Lý Thị Niền, Giám đốc HTX sản xuất bún phở Quỳnh Niền (đứng thứ 3 từ trái sang) nhận giấy chứng nhận sản phẩm OCOP cấp tỉnh năm 2019

Đến với huyện Ngân Sơn là đến với những trái lê ngọt dịu, hạt dẻ thơm nức hay gạo nếp Khẩu Nua Lếch dẻo thơm... Cùng với đó là phong trào phát triển kinh tế sôi nổi, xóa đói giảm nghèo, xây dựng nông thôn mới. Hòa chung không khí đó, thị trấn Nà Phặc ngày càng có diện mạo mới, thêm những tuyến đường kang trang, giao thông phát triển góp phần thúc đẩy sản xuất.

Mảnh đất ấy với những con người thắm lặng, miệt mài sản xuất, mảnh đất ấy đã bao đời gắn bó với cây lúa. Với chị Lý Thị Niền, sinh ra và lớn lên trên mảnh đất giàu truyền thống, tình yêu với cây lúa luôn đong đầy, trong chị luôn có mong muốn phát triển kinh tế bền vững gắn với sản phẩm lúa gạo. Thấy được những điều kiện tự nhiên, kinh tế, xã hội thuận lợi để phát triển chuỗi giá trị,

chị đã cùng 7 sáng lập viên mạnh dạn thành lập hợp tác xã (HTX) sản xuất bún phở Quỳnh Niền vào năm 2016 với 8 thành viên, vốn điều lệ 22 triệu đồng, địa chỉ trụ sở tại Thị trấn Nà Phặc, huyện Ngân Sơn với ngành nghề chính là sản xuất, chế biến, kinh doanh các sản phẩm từ lúa gạo.

Từ khi thành lập đến nay chị đã được các thành viên tin tưởng bầu làm Chủ

tịch Hội đồng quản trị kiêm Giám đốc HTX. Chị đã cùng với các thành viên luôn tâm niệm làm thế nào để nâng cao giá trị cây lúa và HTX đã lựa chọn xây dựng chuỗi giá trị từ trồng, thu được sản phẩm gạo, chế biến thành bún, phở các loại đến cung cấp cho người tiêu dùng.

Khâu đầu tiên, HTX cung cấp phân bón, thuốc BVTV cho các thành viên trồng lúa và bao tiêu 100% sản phẩm lúa gạo của các thành viên với giá ổn định 14.000 đ/kg. Trung bình mỗi tháng HTX thu mua 4 - 5 tấn gạo bao thai phục vụ cho chế biến bún phở. Công nghệ chế biến cũng là khâu quan trọng để tạo ra được sản phẩm chất lượng. Hiểu được điều đó, chị đã mạnh dạn học tập kinh nghiệm tại HTX mì gạo Hùng Lô (Khu 9, xã Hùng Lô, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ). Ngoài ra được sự quan tâm và giúp đỡ của các cấp ủy chính quyền, các sở ban ngành... HTX đã đầu tư dây chuyền chế biến tự động bằng inox, máy nghiền bột, máy ép bún với tổng giá trị 300 triệu đồng.

Sản phẩm chính của HTX hiện nay gồm phở tươi, bún

tươi, phở ngốt, phở khô, bún khô... Năm 2019 chị đã mạnh dạn đăng ký đánh giá và xếp hạng sản phẩm OCOP cấp tỉnh cho 02 sản phẩm của HTX: Bún khô Quỳnh Niên, phở khô Quỳnh Niên. Kết quả tại Quyết định số 35/QĐ-UBND ngày 10/01/2020 của UBND tỉnh phê duyệt kết quả đánh giá và xếp hạng sản phẩm thuộc Đề án "Mỗi xã, phường một sản phẩm" tỉnh Bắc Kạn năm 2019, HTX là đơn vị duy nhất của huyện Ngân Sơn có 02 sản phẩm được xếp hạng 3 sao.

Trung bình mỗi ngày HTX sản xuất và cung cấp 300kg phở tươi cho các nhà hàng tại huyện Bạch Thông, Ba Bể, Ngân Sơn, Pác Nặm với giá bán giao 12.000 đ/kg, giá bán lẻ 15.000 đ/kg. Ngoài ra HTX còn sản xuất phở khô, bún khô; Sản lượng trung bình đạt khoảng 1.300 kg/tháng, giá bán 35.000 đ/kg. Các sản phẩm của HTX được đánh giá có chất lượng tốt, dai và vẫn giữ được độ ngọt của gạo. HTX đang hoàn thiện bao bì, nhãn mác cho sản phẩm phở khô, bún khô để đưa thương hiệu sản phẩm của HTX đi xa hơn nữa.

Xúc tiến thương mại là khâu khó nhất trong chuỗi

giá trị. Với vai trò là giám đốc HTX, chị luôn năng nổ tìm kiếm thị trường, tham gia các cuộc xúc tiến thương mại do các đơn vị tổ chức. Ngoài ra chị cũng nỗ lực kết nối với các đơn vị tiêu thụ, hiện nay HTX đã ký hợp đồng tiêu thụ sản phẩm với Tập đoàn Central Group (Big C) với sản lượng 300 - 400kg/tuần.

Năm 2019, doanh thu HTX đạt 1,2 tỷ; thu nhập của thành viên HTX đạt 3 - 4 triệu đồng/tháng, kết nạp mới 03 thành viên. Tổng sản lượng bún, phở các loại đạt 85 tấn. HTX sản xuất bún phở Quỳnh Niên là HTX hoạt động hiệu quả, tiêu biểu của huyện Ngân Sơn.

Năm 2020, HTX dự kiến sản xuất trên 100 tấn bún, phở các loại. Doanh thu đạt 2 tỷ đồng; thu nhập thành viên đạt 4,5 triệu đồng/tháng. Tiếp tục phát triển chuỗi giá trị lúa gạo bền vững là mục tiêu lớn nhất của HTX. Vì vậy HTX sẽ đẩy mạnh phát triển thương hiệu sản phẩm bún, phở; tiếp tục triển khai kế hoạch sản xuất kinh doanh và chủ động tiếp cận thị trường tiêu thụ./.

Nguyễn Huế

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KHUYẾN NÔNG NĂM 2019

Năm 2019, với sự nỗ lực của tập thể viên chức và người lao động của đơn vị và sự phối hợp chặt chẽ của các ngành, địa phương, cùng với sự hợp tác của bà con nông dân trong tỉnh. Trung tâm Khuyến nông tỉnh Bắc Kạn đã hoàn thành tốt nhiệm vụ khuyến nông do UBND tỉnh Bắc Kạn và Sở Nông nghiệp và PTNT tỉnh giao.

Theo đó, công tác chuyển giao tiến bộ kỹ thuật đạt được nhiều kết quả đáng ghi nhận: Các mô hình, dự án được triển khai thực hiện theo đúng tiến độ, kế hoạch và mục tiêu đã đề ra, trong năm đơn vị đã thực hiện được 9 mô hình chuyển giao tiến bộ kỹ thuật; được người dân và chính quyền địa phương đánh giá cao về tính hiệu quả và có khả năng nhân rộng như mô hình thử nghiệm một số giống lạc mới có sử dụng kỹ thuật che phủ nilon; mô hình khoanh nuôi tái sinh, làm giàu rừng tự nhiên; mô hình nuôi cá rô phi thâm canh theo hướng an toàn sinh học, mô hình nuôi cá diêu hồng trong lồng bè đảm bảo an toàn thực phẩm,...; các mô hình thử nghiệm đạt được kết quả khả quan, năm 2019

được bổ sung 2 giống lúa mới (Kim cương 111, QJ 4) vào cơ cấu giống của tỉnh.

Thực hiện kết nối, liên kết giữa người sản xuất và người tiêu thụ, trong năm qua đơn vị đã phối hợp với Tập đoàn Central Group Việt Nam thực hiện dự án sinh kế cộng đồng hỗ trợ ký kết được 11 hợp đồng/11 sản phẩm gồm: Măng khô Mai Lạp, gạo nếp Khẩu Nua Lếch, cam đường canh, măng ớt đỉnh đèo gió, nấm hương khô, phở khô Quỳnh Niên, trà ướp đấng rừng, cơm cháy Hồng Quyên, bánh gạo nương; bí xanh thơm, hồng không hạt. Bước đầu đã cấp được các sản phẩm hồng không hạt, bí xanh thơm, cam đường canh vào hệ thống Big C, đang tiếp tục hoàn thiện hồ sơ pháp lý để tiếp tục đưa các sản phẩm còn lại theo hợp đồng vào hệ thống big C.

Công tác đào tạo nghề cho lao động nông thôn thực hiện đúng theo các nội dung yêu cầu, đúng đối tượng, thời gian, được chính quyền địa phương, các đoàn thể và nhân nhân hưởng ứng ủng hộ. Thông qua các lớp đào tạo nghề giúp nâng cao tay nghề cho

lao động nông thôn, góp phần thực hiện có hiệu quả đào tạo nghề cho lao động nông thôn theo yêu cầu tái cơ cấu ngành nông nghiệp và chuyển dịch cơ cấu kinh tế, cơ cấu lao động thực hiện công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Nâng cao tỷ lệ lao động nông thôn có chuyên môn, qua đào tạo nghề để chuyển dịch cơ cấu kinh tế phù hợp với định hướng phát triển kinh tế xã hội, xây dựng nông thôn mới. Đơn vị đã tổ chức thực hiện 7 lớp đào tạo nghề cho lao động nông thôn cho 240 học viên, tại các huyện Ngân Sơn và huyện Chợ Đồn (Trong đó: Nghề trồng và chăm sóc cây lê, cây mắc cọc, cây hồng 03 lớp; trồng và chăm sóc cây dứa liệu 03 lớp; kỹ thuật nuôi trồng thủy sản 01 lớp).

Tổ chức thực hiện 16 lớp tập huấn về các kiến thức kỹ thuật trồng trọt, chăn nuôi, lâm nghiệp, thủy sản... cho 480 lượt người tham gia cho hộ trong và ngoài mô hình và các cán bộ, cộng tác viên khuyến nông của các xã trên địa bàn tỉnh.

Về công tác thông tin tuyên truyền: Xuất bản và phát hành được 04 số bản tin

Khuyến nông với 400 cuốn và gửi tới 100 địa chỉ trong và ngoài tỉnh, đồng thời gửi bản mềm qua hệ thống thư điện tử và trang Cổng thông tin điện tử của Sở Nông nghiệp & PTNT tỉnh Bắc Kạn. Nội dung kịp thời, phong phú, đa dạng, phản ánh đa chiều các hoạt động nổi bật, định hướng, chủ trương, chính sách của ngành Nông nghiệp & PTNT và quảng bá các sản phẩm, mô hình tiên tiến của địa phương.

Phối hợp với Trung tâm Khuyến nông Quốc gia tổ chức Diễn đàn @ Khuyến nông "Kết nối cung cầu sản phẩm nông nghiệp vùng Trung du Miền núi phía Bắc" tại thành phố Bắc Kạn với 250 đại biểu của 5 tỉnh là: Bắc Kạn, Hòa Bình, Thái Nguyên, Cao Bằng, Lạng Sơn giúp cho người dân trao đổi, thảo luận với các nhà khoa học, nhà quản lý và các doanh nghiệp về chủ trương, chính sách và giải pháp khoa học công nghệ trong phát triển các sản phẩm nông nghiệp mang tính chất đặc trưng vùng miền, đồng thời hỗ trợ xúc tiến thương mại, đẩy mạnh quảng bá sản phẩm, hàng hóa, kết nối liên kết chuỗi từ sản xuất đến tiêu thụ sản phẩm. Tại Diễn đàn đã

ký kết được 9 hợp đồng hợp tác bao tiêu sản phẩm giữa Big C (thuộc tập đoàn Central Group Việt Nam) với 9 Hợp tác xã của tỉnh.

Sản xuất và cung ứng cho thị trường được 1.108.800 cây lâm nghiệp, 82.310 cây ăn quả, cây đô thị các loại, đạt 100% kế hoạch đề ra. Công tác cung ứng cây giống đã góp phần cung cấp cây giống đạt tiêu chuẩn về số lượng, chất lượng cho nhân dân các huyện, xã trong tỉnh. Việc cung cấp cây giống đã đem lại hiệu quả kinh tế cho cộng đồng và xã hội.

Công tác ương nuôi, làm dịch vụ cung ứng cá giống đã đáp ứng được nhu cầu về con giống đảm bảo chất lượng cho người dân trên địa bàn toàn tỉnh. Sản xuất cá giống đạt: 4.800.000/5.000.000 kg, đạt 96% KH. Cung ứng cho thị trường tỉnh cá giống chất lượng đảm bảo theo tiêu chuẩn của ngành, với 15.253/13.000 kg giống (trắm, chép, trôi, mè), đạt 117% KH; cá giống bán con (rô, trê lai) 152.951/150.000 con, đạt 101% KH.

Nhìn chung, công tác khuyến nông năm 2019 có nhiều kết quả đáng khích lệ, ngoài triển khai thực hiện

hiệu quả các chương trình khuyến nông sự nghiệp theo đúng mục tiêu, đúng tiến độ, hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao, đơn vị chủ động trong công tác hợp tác, liên kết, đẩy mạnh hợp tác khuyến nông giúp đa dạng hóa nguồn lực khuyến nông. Tổ chức thực hiện sản xuất kinh doanh cây, con giống đảm bảo chất lượng phục vụ bà con trong tỉnh.

Năm 2020, Trung tâm Khuyến nông tỉnh xác định nhiệm vụ trọng tâm là tiếp tục triển khai có hiệu quả của các dự án, mô hình chuyển giao của nguồn Khuyến nông Trung ương, nguồn sự nghiệp của tỉnh và đề tài khoa học của tỉnh; đẩy mạnh công tác thông tin tuyên truyền đảm bảo nội dung, hình thức của Bản tin Khuyến nông, đa dạng hóa hình thức cung cấp thông tin dịch vụ; tổ chức thực hiện các lớp, tập huấn của nguồn Khuyến nông Trung ương, đào tạo nghề cho lao động nông thôn và phối hợp tổ chức các lớp tập huấn với các đơn vị, tổ chức có liên quan; đẩy mạnh các hoạt động, liên kết, hợp tác với các tổ chức khác về công tác Khuyến nông trên địa bàn./.

Quỳnh Thu

HƯỚNG DẪN TÁI ĐÀN TRONG CHĂN NUÔI LỢN

Năm 2019 trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn bệnh Dịch tả lợn Châu Phi (DTLCP) xảy ra tại 116 xã, 705 thôn, 4.283 hộ, số lợn ốm chết tiêu hủy là 27.310 con với khối lượng 1.204 tấn. Hiện nay, 116 xã, phường, thị trấn đã công bố hết dịch theo quy định.

Để đảm bảo việc nuôi tái đàn lợn thận trọng, hiệu quả và giảm thiểu nguy cơ tái phát dịch bệnh; thực hiện các quy định của Luật Thú y và Nghị quyết số 42/NQ-CP, ngày 18/6/2019 của Chính phủ về việc triển khai một số biện pháp cấp bách trong phòng chống bệnh Dịch tả lợn Châu phi (DTLCP); Ngày 19/12/2019 Ban Chỉ đạo quốc gia phòng chống dịch bệnh DTLCP ban hành văn bản số 13/BCĐDTLCP về việc tái đàn trong chăn nuôi lợn như sau:

1. Nguyên tắc tái đàn lợn

Việc nuôi tái đàn lợn tại địa phương đã có bệnh DTLCP được thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành và Quyết định số 4527/QĐ-BNN-TY, ngày 15/11/2018 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp & PTNT về việc ban hành Kế hoạch hành động ứng phó khẩn cấp với bệnh DTLCP, cụ thể:

- Nuôi tái đàn lợn tại cơ sở chăn nuôi lợn chưa bị dịch bệnh DTLCP hoặc đã bị

dịch nhưng đã qua 30 ngày không tái phát bệnh DTLCP; bảo đảm an toàn dịch bệnh.

- Chủ cơ sở phải áp dụng nghiêm ngặt các biện pháp tổng thể cách ly, vệ sinh, sát trùng bằng hóa chất, bằng vôi; nâng cấp cơ sở vật chất, dụng cụ chăn nuôi đảm bảo để áp dụng có hiệu quả các biện pháp an toàn sinh học.

- Đảm bảo cân bằng cung cầu.

2. Yêu cầu đối với cơ sở nuôi tái đàn lợn

- Nuôi tái đàn lợn tại địa phương đã công bố hết bệnh DTLCP:

Cơ sở chỉ nuôi tái đàn lợn địa phương đã công bố hết bệnh DTLCP khi đáp ứng các yêu cầu sau:

+ Chủ cơ sở nuôi phải kê khai với chính quyền cơ sở trước khi tái đàn lợn.

+ Có chuồng trại, dụng cụ chăn nuôi, con giống, thức ăn nước uống, chăm sóc, nuôi dưỡng, vệ sinh thú y và các biện pháp an toàn sinh học theo các quy định của pháp luật về chăn nuôi, thú y hoặc đã được chứng nhận cơ sở an toàn sinh học, an toàn dịch bệnh, VietGAPH, GlobalGAP trong chăn nuôi; định kỳ lấy mẫu môi trường, nguồn nước,... xét nghiệm khẳng định không có virus DTLCP.

+ Thực hiện nghiêm ngặt các biện pháp kỹ thuật theo hướng dẫn của Bộ Nông nghiệp & PTNT tại Công văn số 4249/BNN-TY, ngày 18/6/2019 về việc kiểm soát vận chuyển lợn để nuôi làm giống, nuôi thương phẩm trong và ngoài vùng có bệnh DTLCP; Công văn số 5329/BNN-CN, ngày 25/7/2019 về việc tăng cường một số biện pháp kỹ thuật tổng hợp về an toàn sinh học trong chăn nuôi lợn để phòng, chống bệnh DTLCP, trong đó lưu ý:

Hằng ngày thực hiện vệ sinh, sát trùng chuồng nuôi, máng ăn, dụng cụ chăn nuôi; có biện pháp ngăn chặn côn trùng, gặm nhấm để tránh mang mầm bệnh từ ngoài vào trong chuồng, trại nuôi lợn;

Bổ sung chế phẩm nâng cao sức đề kháng cho đàn lợn;

Ghi chép các hoạt động chăn nuôi, quản lý dịch bệnh, áp dụng các biện pháp an toàn sinh học.

+ Kê khai với chính quyền cơ sở trước khi thực hiện việc nuôi tái đàn lợn. Trường hợp không kê khai và để xảy ra dịch bệnh thì bị xử lý theo quy định và không được hỗ trợ kinh phí phòng, chống dịch bệnh theo quy định.

- *Đối với nuôi tái đàn lợn tại địa phương chưa công bố hết bệnh DTLCP:* Chỉ thực hiện nuôi tái đàn lợn khi đáp ứng các yêu cầu sau:

+ Cơ sở chăn nuôi tập trung đã được chứng nhận là cơ sở an toàn dịch bệnh, VietGAPH, GlobalGAP trong chăn nuôi.

+ Được chính quyền cơ sở, cơ quan chuyên môn thú y địa phương kiểm tra, xác nhận đáp ứng đủ yêu cầu nuôi tái đàn.

3. Các bước nuôi tái đàn lợn

- Nuôi chỉ báo với số lượng khoảng 10% tổng số lợn có thể nuôi tại cơ sở có quy mô và khả năng nuôi trên 100 con lợn ở một thời điểm hoặc nuôi không quá 10 con lợn đối với cơ sở có quy mô và khả năng nuôi 100 con.

- Hằng ngày theo dõi, giám sát chặt chẽ số lượng nuôi chỉ báo trong khoảng thời gian ít nhất 30 ngày; trường hợp cần thiết lấy mẫu xét nghiệm phát hiện mầm bệnh DTLCP (chủ cơ sở có thể tự lấy dưới sự giám sát của cán bộ thú y hoặc cán bộ thú y cơ sở thực hiện việc lấy mẫu). Trường hợp nghi lợn bị bệnh, phải khai báo ngay cho chính quyền, cơ quan thú y và áp dụng các biện pháp phòng, chống dịch theo quy định.

- Sau khi nuôi chỉ báo được ít nhất 30 ngày, nếu lợn không có biểu hiện bệnh hoặc mẫu xét nghiệm cho kết quả âm tính với bệnh DTLCP (áp dụng đối với trường hợp lấy mẫu xét nghiệm), thực hiện nuôi tái đàn thận trọng và có thể nuôi đạt 100% quy mô chăn nuôi của cơ sở.

Chính quyền cơ sở và các cơ quan thú y địa phương tổ chức kiểm tra, xác nhận điều kiện nuôi tái đàn lợn phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương và hướng dẫn của các cơ quan chuyên môn.

Quỳnh Thu

PHÓ CHỦ TỊCH THƯỜNG TRỰC UBND TỈNH ĐỠ THỊ MINH HOA KIỂM TRA TÌNH HÌNH SẢN XUẤT VỤ ĐÔNG TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN CHỢ MỚI

Ngày 05 tháng 02 năm 2020, Phó Chủ tịch Thường trực UBND tỉnh Đờ Thị Minh Hoa đã đến kiểm tra tình hình sản xuất vụ Đông tại huyện Chợ Mới. Cùng tham dự có lãnh đạo Sở Nông nghiệp và PTNT, lãnh đạo UBND huyện Chợ Mới. Tại buổi làm việc, đoàn công tác đã đi kiểm tra thực tế tình hình sản xuất cây khoai tây trên địa bàn các xã: Thanh Mai, Yên Đĩnh, huyện Chợ Mới.

Vụ Đông năm 2019, huyện Chợ Mới triển khai thực hiện được 54 ha cây khoai tây, 138 ha cây rau các loại, 170 ha cây ngô, 68 ha cây khoai lang, và 17,3 ha cây ớt. Trong đó, cây khoai tây đã

được kết nối liên kết sản xuất, tiêu thụ với công ty Công ty TNHH thực phẩm ORION VINA, giá thu mua củ khoai tây là 7.000 đồng/kg, đây là cây trồng có tiềm năng phát triển tại địa phương, nâng cao thu nhập cho người nông dân.

Qua thăm nắm tình hình sản xuất, đồng chí Phó Chủ tịch Thường trực UBND tỉnh giao UBND huyện Chợ Mới chỉ đạo các phòng chuyên môn, địa phương tuyên truyền, khuyến cáo người dân sử dụng các giống lúa ngắn ngày, chất lượng cao vào sản xuất đảm bảo thời vụ để phát triển cây trồng vụ Đông, nâng cao thu nhập cho người dân.../.

Nông Cúc

THỰC HIỆN MÔ HÌNH TRÌNH DIỄN VÀ THỬ NGHIỆM MỘT SỐ GIỐNG LÚA MỚI VỤ XUÂN NĂM 2020 TẠI HUYỆN BA BỂ VÀ HUYỆN BẠCH THÔNG

Với mục tiêu lựa chọn 01- 02 lúa mới có thời gian sinh trưởng ngắn, năng suất, chất lượng phục vụ mục tiêu sản xuất lúa theo hướng hàng hóa, bổ sung vào cơ cấu giống của tỉnh, thay thế dần các giống lúa cũ, chất lượng thấp tại địa phương. Thực hiện các văn bản chỉ đạo của Sở Nông nghiệp và PTNT tỉnh Bắc Kạn; vụ Xuân 2020 Trung tâm Khuyến nông tỉnh Bắc Kạn phối hợp với UBND xã Chu Hương, huyện Ba Bể và UBND xã Vi Hương, huyện Bạch Thông triển khai mô hình “Trình diễn và thử nghiệm một số giống lúa mới vụ xuân năm 2020” với tổng diện tích: 4,7 ha. Trong đó xã Chu Hương, huyện Ba Bể thực hiện 2,4 ha, thực hiện giống lúa HDT10 (1ha); HD11 (0,5ha); Đài thơm 8 (0,3ha); VRN 10 (0,3ha); VRN 20 (0,3ha). Xã Vi Hương, huyện Bạch Thông thực hiện 2,3 ha, thực hiện giống lúa HDT10 (1ha); HD11 (0,4ha); Đài thơm 8 (0,3ha); VRN 10 (0,3ha); VRN 20 (0,3ha);

Các hộ tham gia mô hình được hỗ trợ 100% giống lúa; tập huấn kỹ thuật, quản lý kiểm tra, nghiệm thu đánh giá; cam kết rủi ro, đền bù năng suất chênh lệch hoặc năng suất bị thiệt hại được xác định nguyên nhân là do giống lúa thử nghiệm gây ra (nếu có).

Hiện nay các hộ đã cấy xong, cây lúa đang trong giai đoạn bén rễ hồi xanh, sinh trưởng phát triển bình thường, trong thời gian tới Trung tâm Khuyến nông tiếp tục theo dõi đánh giá tình hình sâu bệnh hại, tính ổn định, tính chống chịu, năng suất, chất lượng của các giống lúa mới để có căn cứ xác thực xin ý kiến Sở Nông nghiệp & PTNT tỉnh Bắc Kạn xem xét bổ sung 01 đến 02 giống lúa mới có năng suất, chất lượng bổ sung vào cơ cấu giống của tỉnh.

Đặng Huyền

CHỦ ĐỘNG PHÒNG, CHỐNG BỆNH CÚM A(H5N1) TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH BẮC KẠN

Theo thông tin từ Tổ chức Thú y thế giới (OIE) và của các nước, từ đầu tháng 01/2020 đến nay, thế giới đã ghi nhận nhiều ổ dịch bệnh Cúm gia cầm (CGC) tại 11 quốc gia và vùng lãnh thổ; Chủng vi rút CGC A/H5N1 tại Ấn Độ, Cúm A/H5N1 tại Trung Quốc; CGC A/H5N6 tại Nigeria; CGC A/H5N8 tại Cộng hòa Séc, Đức, Hungary, Ba Lan, Rumani, Slovakia, Nam Phi; tại Đài Loan cũng ghi nhận các ổ dịch CGC A/H5N2 và A/H5N5. Nguy cơ lây lan giữa các nước là rất cao.

Tại Việt Nam, theo báo cáo của các địa phương, năm 2019 bệnh Cúm gia cầm (CGC) xảy ra tại 70 hộ chăn nuôi, 44 xã của 41 huyện thuộc 24 tỉnh, thành phố, buộc phải tiêu hủy trên 133.000 con gia cầm; từ đầu tháng 01/2020 đến nay, cả nước có 01 ổ dịch CGC A/H5N6 chưa qua 30 ngày tại tỉnh Quảng Ninh; kết quả chủ động lấy mẫu giám sát tại 26 tỉnh, thành phố (với tổng cộng 3.966 mẫu gộp của 19.830 con gia cầm đã được xét nghiệm). Kết quả, tỷ lệ dương tính với vi rút cúm A là 37,72% trong đó dương tính với vi rút cúm A/H5N1 là 1,19%, A/H5N6 là 1,82%. Hiện nay, với tình hình thời tiết thay đổi bất lợi, nhu cầu vận chuyển, giết mổ, tiêu thụ phục vụ các lễ hội tăng cao; nguy cơ dịch bệnh CGC xuất hiện, lây lan là rất cao và có nguy cơ ảnh hưởng đến sức khỏe cộng đồng, đặc biệt trong điều kiện dịch bệnh viêm phổi cấp do chủng mới của vi rút Corona gây ra.

Đối với tỉnh Bắc Kạn, bệnh Cúm gia cầm xuất hiện từ ngày 11/12/2019 tại 01 hộ dân phố Ngã ba, Thị trấn Phủ Thông, huyện Bạch Thông, số con mắc bệnh và chết là 21 con. Sau khi có kết quả xét nghiệm dương tính với vi rút Cúm A/H5N6, Chi cục Chăn nuôi và Thú y đã phối hợp Ủy ban nhân dân huyện Bạch Thông công bố dịch và chỉ đạo thực hiện các biện pháp phòng, chống dịch theo quy định, tiến hành tiêu hủy đàn gia cầm xung quanh, số lượng tiêu hủy là 242 con. Đến nay ổ dịch đã được khống chế, không lây lan ra diện rộng, đến ngày 22/01/2020 Ủy ban nhân dân huyện Bạch Thông đã công bố hết dịch theo quy định.

Để chủ động phòng, chống dịch bệnh CGC kịp thời và có hiệu quả, ngành chức năng khuyến cáo triển khai thực hiện các nội dung sau:



Cán bộ thú y tiêu hủy gia cầm mắc bệnh tại Thị trấn Phủ Thông, huyện Bạch Thông

- Chính quyền địa phương phối hợp với các cơ quan chuyên môn tăng cường công tác thông tin, tuyên truyền, áp dụng nghiêm ngặt các biện pháp chăn nuôi an toàn sinh học, các biện pháp chủ động phòng, chống dịch, tiêm phòng đầy đủ các loại vắc xin cho đàn vật nuôi.

- Cơ quan chuyên môn tại các địa phương chủ động giám sát, lấy mẫu xét nghiệm bệnh CGC để kịp thời cảnh báo, áp dụng các biện pháp phòng, chống dịch, sử dụng có hiệu quả các loại vắc xin phòng bệnh CGC.

- Các lực lượng chức năng địa phương giám sát chặt chẽ việc tập kết, buôn bán gia cầm và sản phẩm gia cầm; tăng cường kiểm tra, ngăn chặn kịp thời và xử lý nghiêm các trường hợp vận chuyển trái phép động vật, sản phẩm động vật trên địa bàn quản lý, đặc biệt đối với các trường hợp vận chuyển trái phép gia cầm, sản phẩm gia cầm từ nước ngoài vào Việt Nam.

- Tổ chức tuyên truyền sâu rộng về tình hình dịch bệnh, đảm bảo vệ sinh trong chăn nuôi, giết mổ gia cầm, không sử dụng gia cầm không rõ nguồn gốc, gia cầm, sản phẩm gia cầm chưa qua kiểm dịch của cơ quan thú y; sử dụng thịt gia cầm phải nấu chín, không ăn tiết canh và các biện pháp phòng, chống bệnh cúm gia cầm.

- Tổ chức tổng vệ sinh, tiêu độc khử trùng môi trường tại các vùng trọng điểm, vùng có nguy cơ cao để tiêu diệt các loài mầm bệnh.

Nông Quang Hải

TĂNG CƯỜNG SỬ DỤNG PHÂN HỮU CƠ TRONG NÔNG NGHIỆP

Thực hiện Chỉ thị 117/CT-BNN-BVTV ngày 07/01/2020 của Bộ Nông nghiệp & PTNT về tăng cường phát triển và sử dụng phân bón hữu cơ; UBND tỉnh Bắc Kạn đã ban hành văn bản số 137/UBND-KTTCKT ngày 09/01/2020 về việc tăng cường phát triển và sử dụng phân bón hữu cơ để chỉ đạo các ban, ngành, đoàn thể tích cực tuyên truyền khuyến cáo nhân dân tăng cường sử dụng phân hữu cơ trong sản xuất để tiến tới phát triển nền nông nghiệp bền vững.

Với mục tiêu tăng cường sử dụng phân hữu cơ trong sản xuất, người dân cần nắm được khái niệm, vai trò của phân bón hữu cơ như sau:

* Vai trò của chất hữu cơ trong đất:

- Cải thiện trạng thái kết cấu đất, các keo mùn gắn các hạt đất với nhau tạo thành những hạt kết tốt, bền vững làm đất thông thoáng tránh sự tạo váng, xói mòn.

- Làm đất tơi xốp, thoáng khí, ổn định pH, giữ ẩm cho đất, tăng khả năng chống hạn cho cây trồng,...

- Tạo điều kiện thuận lợi cho các vi sinh vật hoạt động, giúp rễ và cây phát triển tốt. Đẩy mạnh quá trình phân giải các hợp chất vô cơ, hữu cơ thành nguồn dinh dưỡng dễ tiêu để cây trồng dễ hấp thụ.

- Giữ được các chất dinh dưỡng, đồng thời làm tăng tính đệm của đất. Là kho thức ăn cho cây trồng, các vi sinh vật, giun đất...

- Là nguồn lớn cung cấp CO₂ cho cây quang hợp.

- Duy trì bảo vệ đất, cố định các chất gây ô nhiễm trong đất, làm giảm mức độ dễ tiêu của các chất độc.

* Lợi ích của việc bón phân hữu cơ

- Cải thiện và ổn định kết cấu của đất, làm cho đất tơi xốp, thoáng khí.

- Giúp đất thoát nước tốt, cải thiện tình trạng ngập úng, dư thừa nước. Hạn chế đóng váng bề mặt, rửa trôi chất dinh dưỡng.

- Trên đất sét nặng, bón phân hữu cơ làm đất tơi xốp giúp rễ cây dễ phát triển.

- Cung cấp đầy đủ các chất dinh dưỡng cho cây trồng như: Đạm, lân, kali, các nguyên tố trung, vi lượng, các kích thích tố sinh trưởng, vitamin.

- Gia tăng chất mùn cho đất, tăng khả năng giữ dinh dưỡng cho đất.

- Tăng cường hoạt động của vi sinh vật trong đất, tăng cường "Sức khỏe" của đất.

* Phân bón hữu cơ chia thành 4 loại:

- Phân hữu cơ truyền thống: Được tạo ra từ nguyên liệu và cách làm truyền thống. Là chất thải của vật nuôi, phế phẩm nông nghiệp, phân xanh (bèo hoa dâu, thân cây họ đậu...) được ủ hoai mục.

- Phân hữu cơ sinh học: Là phân bón hữu cơ có chứa vi sinh vật có lợi. Được xử lý và lên men theo một quy trình công nghiệp với sự tham gia của một hay nhiều chủng vi sinh vật.

- Phân hữu cơ vi sinh: Có nguồn nguyên liệu và quy trình sản xuất như phân hữu cơ sinh học. Nhưng một hoặc nhiều chủng vi sinh vật vẫn còn sống và sẽ hoạt động khi được bón vào đất.

- Phân hữu cơ khoáng: Là phân hữu cơ sinh học được trộn thêm phân vô cơ. Thành phần chất hữu cơ trong phân hữu cơ khoáng phải đạt 15% trở lên.

* Biện pháp hạn chế thoái hóa đất

- Thực hiện các biện pháp như cày bừa, xới xáo, tưới tiêu hợp lý và kịp thời để đất luôn có độ ẩm thích hợp.

- Tăng cường sử dụng các loại phân bón có chứa chất hữu cơ.

- Trồng cây phân xanh như bèo dâu, điền thanh, các loại muồng,...

- Bón vôi hoặc chất điều hòa pH đất kết hợp với bón phân hữu cơ tạo điều kiện cho vi sinh vật đất hoạt động mạnh.

Đào Thị Ngọc

KẾ HOẠCH TIÊM PHÒNG ĐỊNH KỲ CHO ĐÀN VẬT NUÔI NĂM 2020

Nhằm chủ động phòng, chống hiệu quả các dịch bệnh ở gia súc, gia cầm với phương châm phòng bệnh là chính, kết hợp thực hiện đồng bộ biện pháp quản lý, giám sát các hộ gia đình thực hiện nghiêm túc việc tiêm phòng định kỳ cho đàn gia súc, gia cầm để tạo miễn dịch chủ động, đảm bảo an toàn dịch bệnh và chăn nuôi đạt hiệu quả, Sở Nông nghiệp và PTNT tỉnh Bắc Kạn xây dựng kế hoạch tiêm phòng định kỳ cho đàn gia súc, gia cầm năm 2020 với một số nội dung chủ yếu như:

Đối tượng và phạm vi tiêm phòng:

Tiêm phòng cho gia súc khoẻ mạnh, đối với bê, nghé từ 6 tháng tuổi trở lên, lợn từ 01 tháng tuổi trở lên, chó từ 03 tháng tuổi trở lên.

Triển khai tiêm phòng cho đàn gia súc nuôi trên địa bàn toàn tỉnh, trong đó ưu tiên tiêm phòng tại những vùng dịch, vùng bị dịch uy hiếp và những vùng nguy cơ cao đối với các dịch bệnh truyền nhiễm trên đàn vật nuôi.

Loại vắc xin phòng bệnh

- Trâu, bò: Vắc xin Lở mồm long móng và Tụ huyết trùng.

- Lợn: Vắc xin Tụ huyết trùng, dịch tả và lép tô,...

- Chó, mèo: Vắc xin phòng bệnh dại (Rabisin).

Thời gian và lịch triển khai tiêm phòng năm 2020

Tổ chức tiêm phòng vắc xin định kỳ cho đàn vật nuôi 02 đợt/năm, cụ thể đợt 1 triển khai tiêm phòng từ 01/3 đến ngày 24/4/2020; từ ngày 25/4/2020 đến ngày 10/5/2020 các huyện, thành phố rà soát và tiêm phòng bổ sung.

Đợt 2 triển khai tiêm phòng từ 01/9 đến ngày 30/10/2020; từ ngày 01 đến ngày 10/11/2020 các huyện, thành phố rà soát và tiêm phòng bổ sung./.

Hồng Thắng

HỘI NGHỊ TỔNG KẾT CHƯƠNG TRÌNH OCOP NĂM 2019

Ngày 16/01/2020, UBND tỉnh tổ chức Hội nghị tổng kết Chương trình OCOP năm 2019. Đồng chí Đỗ Thị Minh Hoa, Phó Chủ tịch Thường trực UBND tỉnh chủ trì Hội nghị.

Hội nghị đã đánh giá kết quả triển khai thực hiện chương trình OCOP năm 2019 và đề ra phương hướng nhiệm vụ năm 2020. Tại hội nghị đã công bố Quyết định của UBND tỉnh về phê duyệt kết quả đánh giá và xếp hạng sản phẩm thuộc Đề án "Mỗi xã, phường một sản phẩm" tỉnh Bắc Kạn năm 2019 với 70 sản phẩm được xếp hạng, trong đó có 3 sản phẩm 4 sao (2 sản phẩm nâng hạng và 01 sản phẩm mới) và 67 sản phẩm 3 sao mới năm 2019. Tính đến nay, toàn tỉnh đã có 105 sản phẩm đạt 3 sao trở lên, trong đó có 97 sản phẩm 3 sao, 8 sản phẩm 4 sao.

Với kết quả đã đạt được là sự nỗ lực của các cấp, các ngành, các địa phương, các tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh đã có nhiều cố gắng khắc phục khó khăn, có khát vọng vươn lên và ngày càng nâng cao nhận thức về Chương trình OCOP, dần từng bước nâng cao năng lực, chuẩn hóa, hoàn thiện sản phẩm.

Bên cạnh đó, để các sản phẩm OCOP khẳng định chất lượng và vươn ra thị trường ngoài tỉnh, được các ngành, các cấp chú trọng quan tâm hỗ trợ cho các tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh hoạt động xúc tiến thương mại cho các sản phẩm OCOP. Đến nay, toàn tỉnh có 80 sản phẩm được đăng bán trên sàn giao dịch điện tử Shopee, Lazada, Sendo, Tiki...; 11 sản phẩm được ký kết tiêu thụ sản phẩm tại Hệ thống bán lẻ Siêu thị Big C Việt Nam.

Phát biểu tại Hội nghị, đồng chí Đỗ Thị Minh Hoa - Phó Chủ tịch Thường trực UBND tỉnh triển khai Chương trình OCOP, các đơn vị, địa phương tiếp tục phát huy những kết quả đã đạt được để thực hiện một cách bài bản, có được những kết quả mới; tập trung ưu tiên những sản phẩm thế mạnh của địa phương. Các hợp tác xã, tổ chức kinh tế có sản phẩm đã được cấp tiếp tục phấn đấu hoàn thiện sản phẩm, nâng cao chất lượng, giữ vững thương hiệu sản phẩm...

Nông Thâm

KHOẢNG CÁCH AN TOÀN CỦA TRANG TRẠI CHĂN NUÔI QUY MÔ NHỎ ĐỐI VỚI KHU DÂN CƯ LÀ 100 MÉT

Nguyên tắc xác định khoảng cách trong chăn nuôi trang trại được quy định tại Điều 5, Thông tư số 23/2019/TT-BNNPTNT ngày 30 tháng 11 năm 2019 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về hướng dẫn một số điều của Luật Chăn nuôi về hoạt động chăn nuôi.

Tại Thông tư quy định nguyên tắc xác định khoảng cách từ trang trại chăn nuôi đến đối tượng chịu ảnh hưởng của hoạt động chăn nuôi là khoảng cách ngắn nhất từ chuồng nuôi hoặc khu vực chứa chất thải chăn nuôi đến tường rào hoặc ranh giới của đối tượng chịu ảnh hưởng; khoảng cách từ trang trại chăn nuôi đến trang trại chăn nuôi là khoảng cách ngắn nhất từ chuồng nuôi hoặc khu vực chứa chất thải chăn nuôi đến chuồng nuôi hoặc khu vực chứa chất thải chăn nuôi của trang trại khác.

Khoảng cách an toàn trong chăn nuôi trang trại được quy định như sau:

Đối với trang trại quy mô nhỏ: Khoảng cách từ trang trại chăn nuôi đến khu tập trung xử lý chất thải sinh hoạt, công nghiệp, khu dân cư tối thiểu là 100m; trường học, bệnh viện, chợ, nguồn cung cấp nước sinh hoạt cho cộng đồng dân cư tối thiểu là 150 m.

Khoảng cách từ trang trại chăn nuôi quy mô vừa đến khu tập trung xử lý chất thải sinh hoạt, công nghiệp, khu dân cư tối thiểu là 200m; trường học, bệnh viện, chợ tối thiểu là 300m.

Khoảng cách từ trang trại chăn nuôi quy mô lớn đến khu tập trung xử lý chất thải sinh hoạt, công nghiệp, khu dân cư tối thiểu là 400 m; trường học, bệnh viện, chợ, nguồn cung cấp nước sinh hoạt cho cộng đồng dân cư tối thiểu là 500 m.

Khoảng cách giữa 02 trang trại chăn nuôi của 02 chủ thể khác nhau tối thiểu là 50m.

Quỳnh Thu

CHI CỤC QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG NÔNG LÂM SẢN VÀ THỦY SẢN TỔ CHỨC KIỂM TRA CƠ SỞ SẢN XUẤT, KINH DOANH NÔNG LÂM SẢN DỊP TẾT NGUYÊN ĐÁN CANH TÝ

Vừa qua, Chi cục Quản lý chất lượng Nông lâm sản và Thủy sản Bắc Kạn chủ trì phối hợp với Phòng Nông nghiệp & PTNT các huyện, phòng Kinh tế thành phố và các đơn vị có liên quan tổ chức kiểm tra các cơ sở sản xuất, kinh doanh nông lâm sản và thủy sản trên địa bàn tỉnh.

Nội dung kiểm tra tập trung vào những mặt hàng được sử dụng nhiều trong dịp Tết Nguyên



Chi cục QLCLNLS Kiểm tra chất lượng rau sau tết

đán Canh Tý và trong các Lễ hội Xuân năm 2020 như thịt và các sản phẩm chế biến từ thịt, rau củ, quả... Chú trọng kiểm tra, kiểm soát những đầu mối sản xuất, chợ đầu mối, chợ truyền thống, cơ sở giết mổ, vận chuyển thực phẩm; kiểm soát chặt chẽ việc thực hiện các quy định về đảm bảo an toàn thực phẩm của các cơ sở trong sản xuất, kinh doanh thực phẩm tiêu dùng trong dịp Tết Nguyên đán như: Rau, thịt, cá, trứng, giò chả, Lạp sườn,...Lấy mẫu để kiểm tra test nhanh hoặc kiểm nghiệm chất lượng nhằm đánh giá chất lượng sản phẩm.

Trong quá trình kiểm tra, đoàn công tác còn kết hợp thực hiện tuyên truyền, giáo dục

kiến thức an toàn thực phẩm, nâng cao nhận thức ý thức của cộng đồng trong bảo đảm an toàn thực phẩm.

Việc tăng cường công tác kiểm tra, lấy mẫu giám sát kết hợp tuyên truyền kiến thức an toàn thực phẩm góp phần bảo đảm an toàn thực phẩm trong sản xuất, chế biến, kinh doanh, nhập khẩu và sử dụng thực phẩm; kịp thời phát hiện, xử lý các cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm giả, kém chất lượng, hạn chế ngộ độc thực phẩm trong dịp Tết Nguyên đán Canh Tý và mùa Lễ hội Xuân 2020./.

Hồng Thắng

CÁC XÃ ĐẠT CHUẨN NÔNG THÔN MỚI TỈNH BẮC KẠN NĂM 2019

Thực hiện kế hoạch 261/KH-UBND ngày 13 tháng 05 năm 2019 về thực hiện xã đạt chuẩn nông thôn mới năm 2019, tỉnh Bắc Kạn đã tập trung huy động các cấp, chính quyền, đoàn thể chung tay hỗ trợ xây dựng nông thôn mới, đẩy nhanh tiến bộ thực hiện các tiêu chí của Chương trình Quốc gia xây dựng nông thôn mới. Ngày 17 tháng 01 năm 2020, UBND tỉnh Bắc Kạn ban hành các Quyết định công bố các xã đạt chuẩn nông thôn mới năm 2019.

Trong năm 2019 tỉnh Bắc Kạn có 4/7 xã (so với kế hoạch) đạt chuẩn nông thôn mới, nâng tổng số xã đạt chuẩn nông thôn mới là 19/119 xã theo các tiêu chí quy định tại Quyết định số 734/QĐ-UBND, ngày 29/5/2017 của UBND tỉnh Bắc Kạn về việc ban hành Bộ tiêu chí xã nông thôn mới tỉnh Bắc Kạn giai đoạn 2017 - 2020 bao gồm: Xã Yên Đĩnh, huyện Chợ Mới; xã



Bà Đỗ Thị Minh Hoa, Phó Chủ tịch Thường trực UBND tỉnh trao bằng công nhận xã Dương Quang đạt chuẩn nông thôn mới

Yên Thượng, huyện Chợ Đồn; xã Phương Linh, huyện Bạch Thông; xã Dương Quang, thành phố Bắc Kạn.

Nguyễn Ninh

PÁC NẶM CẢI TẠO VƯỜN MẬN

Nhằm nâng cao năng suất, chất lượng quả mận sớm của địa phương, huyện Pác Nặm đã phối hợp thực hiện cải tạo vườn mận. Đây được xem là giải pháp thiết thực góp phần xây dựng thương hiệu cho vùng mận Pác Nặm theo hướng phát triển bền vững.

Hơn 400 gốc mận sớm này đã có thời điểm đem lại cho gia đình anh Nông Văn Hưởng ở thôn Thôm Mèo, xã Xuân La thu nhập từ 40 đến 50 triệu đồng/1vụ. Tuy nhiên vài năm trở lại đây, năng suất, chất lượng quả mận của gia đình anh Hưởng giảm mạnh do cây mận đã trồng lâu năm. Để khắc phục tình trạng này, vừa qua gia đình đã tham gia mô hình cải tạo cây mận không đồng đều, năng suất thấp do Trung tâm Ứng dụng Khoa học - Công nghệ và Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng thuộc Sở Khoa học Công nghệ tỉnh Bắc Kạn tổ chức triển khai thực hiện. Được hỗ trợ các biện pháp kỹ thuật như ghép cải tạo, cắt tỉa tạo tán, bón phân, sử dụng thuốc bảo vệ thực vật, anh Hưởng hi vọng năng suất chất lượng quả mận sẽ sớm được cải thiện.

Hiện nay, toàn huyện Pác Nặm có khoảng trên 100 ha cây mận sớm đã cho thu hoạch. Trong đó có nhiều diện tích hơn chục năm tuổi, không được chăm sóc, cải tạo lại nên năng suất giảm, chất lượng quả không cao. Do đó, từ cuối năm 2018, huyện Pác Nặm đã phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ Bắc Kạn triển khai thực hiện Dự án "Điều tra đánh giá thực trạng và đề xuất giải pháp cải tạo vườn mận không đồng đều năng suất thấp tại huyện Pác Nặm, Ba Bể tỉnh Bắc Kạn". Dự án được thực hiện trong 36 tháng (từ tháng 9/2018 đến tháng 9/2021). Đến nay dự án đã hoàn thành các nội dung: Điều tra, đánh giá tình hình sản xuất, tiêu thụ sản phẩm tại 04 xã của huyện Ba Bể, 02 xã của huyện Pác Nặm; tổ chức 04 lớp tập huấn cho 139 học viên tại xã Hà Hiệu, Quảng Khê (huyện Ba Bể) và xã Xuân La, Nghiên Loan (huyện Pác Nặm) về kỹ thuật trồng, chăm sóc, cải tạo cây mận; Xây dựng mô hình cải tạo 10,19 ha cây mận không đồng đều, năng suất thấp với các biện pháp kỹ thuật



Tham quan mô hình cải tạo mận tại thôn Thôm Mèo, xã Xuân La, huyện Pác Nặm

như ghép cải tạo, cắt tỉa tạo tán, bón phân, bảo vệ thực vật. Các nội dung thực hiện đảm bảo đạt 100% kế hoạch.

Thời điểm này, dự án đã xây dựng được một mô hình cải tạo 5 ha mận tại thôn Thôm Mèo, xã Xuân La. Dưới sự hướng dẫn của cán bộ Trung tâm Ứng dụng Khoa học - Công nghệ và Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng thuộc Sở Khoa học Công nghệ người dân tham gia dự án được chuyển giao kỹ thuật ghép giống mận tam hoa với mật độ phù hợp tại các vườn mận chín sớm. Được hướng dẫn kỹ thuật đốn, tỉa, chăm sóc cây... Mục tiêu đưa ra của dự án là tăng năng suất vườn mận từ 10 - 15% sau khi cải tạo, nâng cao chất lượng mẫu mã quả mận từ tăng hiệu quả kinh tế. Ông Ma Thế Huấn, Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã Xuân La, huyện Pác Nặm cho biết từ khi được triển khai dự án tại thôn Thôm Mèo xã Xuân La, dự án có thực hiện ghép cành mận tam hoa với cành mận chín sớm, can thiệp bằng các biện pháp khoa học kỹ thuật như bón phân, cắt tỉa, tạo tán, quét vôi gốc các vườn mận bước đầu đem lại hiệu quả cho người dân.

Theo kế hoạch, sau khi mô hình thu về kết quả vào vụ mận đầu năm sau sẽ tổ chức hội thảo đầu bờ để đánh giá kết quả xây dựng mô hình, từ đó đưa các mô hình thâm canh cây mận có hiệu quả ra sản xuất đại trà nhằm đem lại giá trị kinh tế cao cho người nông dân./.

Nguyễn Hùng

TAM NÔNG

Nông dân, nông nghiệp nông thôn
Tam nông liên kết thổi hồn cho nhau
Nông nghiệp phát triển hàng đầu
Thâm canh tăng vụ rau màu tốt tươi

Vụ Xuân cho đến vụ Mùa
Lúa vàng mấy hạt người người vui ca
Từ bản gần đến thôn xa
Nông dân phấn khởi nhà nhà ấm no

Mùa về thóc chất đầy kho
Kinh tế phát triển không lo đói nghèo
Làng quê nay đã đổi đời
Ấm no hạnh phúc rạng ngời tươi xanh

Nhà xây thay thế nhà tranh
Nông thôn giờ hóa thị thành khang trang
Đường giao thông rộng thênh thang
Đã bê tông hóa dọc ngang khắp làng

Trường học, trạm xá, ủy ban
Xây dựng to đẹp đàng hoàng biết bao
Đêm về điện tỏa ánh hào
Lấp la lấp lánh như sao trên trời

Nghị quyết Đảng thật tuyệt vời
Tam nông liên kết khắp nơi đồng tình
Từng ngõ xóm, từng gia đình
Nhân dân, cán bộ chúng mình nhắc nhau

Xây nông thôn mới đẹp giàu
Đường lên hạnh phúc nhịp cầu ấm no
Mượn vần ghép chữ thành thơ
Chúc tam nông hãy phát cờ tiến lên.

Phạm Xuân Bính



MỤC LỤC

CHỦ TRƯỞNG - CHÍNH SÁCH

1. Định hướng cơ cấu lại ngành nông nghiệp theo hướng nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững giai đoạn 2020 - 2025, tầm nhìn đến 2035 Tr1
2. Phương án sản xuất vụ Xuân năm 2020 Tr4

KHOA HỌC - KỸ THUẬT, TIN HOẠT ĐỘNG

3. Hướng dẫn kỹ thuật làm giàu rừng bằng cây bản địa Tr6
4. Phòng và trị bệnh ký sinh trùng nguy hiểm thường gặp trên cá nuôi Tr10
5. Hướng dẫn kỹ thuật thâm canh, cải tạo cây mơ Tr11
6. Nữ Giám đốc tâm huyết xây dựng chuỗi giá trị từ cây lúa Tr14
7. Kết quả hoạt động Khuyến nông năm 2019 Tr16
8. Hướng dẫn tái đàn trong chăn nuôi lợn Tr18
9. Trang tin hoạt động Tr20-26
10. Trang văn nghệ Tr27

BẢN TIN KHUYẾN NÔNG BẮC KẠN

Phát hành năm 2020: 4 số; Mỗi quý 1 số vào các tháng 3, 6, 9, 12.

NỘI DUNG:

- Thông tin những chủ trương chính sách của Đảng và Nhà nước, định hướng phát triển nông lâm nghiệp.
- Phản ánh các hoạt động sản xuất nông, lâm, ngư nghiệp trên địa bàn toàn tỉnh. Phản ánh các kỹ thuật mới đang được áp dụng trong các lĩnh vực: Trồng trọt, chăn nuôi - thú y, lâm nghiệp, tín dụng... Phản ánh các gương sản xuất nông lâm nghiệp giỏi, các mô hình tốt, các kinh nghiệm sản xuất và công tác khuyến nông. Thông tin giá cả thị trường liên quan đến sản xuất nông lâm nghiệp.

THỂ LỆ GỬI BÀI:

- Bài viết phải rõ ràng, sạch sẽ, số liệu chính xác, ảnh, hình vẽ có chú thích cụ thể.
 - Ghi rõ họ tên, địa chỉ người gửi.
- Các bài, ảnh được đăng tác giả được hưởng nhuận bút theo quy định.
- Các bài viết, ảnh... không được đăng BBT không gửi trả lại bản thảo.

ĐỊA CHỈ GỬI VỀ:

Phòng Thông tin Tổng hợp - Trung tâm Khuyến nông tỉnh Bắc Kạn, tổ 9 phường Phùng Chí Kiên - TP Bắc Kạn - tỉnh Bắc Kạn.

Điện thoại: 0209.3875.652

Email: ttkn.nn@backan.gov.vn

Rất mong các độc giả, cán bộ, nông dân tham gia bài viết, gửi bài cho BBT
Cảm ơn sự hợp tác của quý độc giả./.

HÌNH ẢNH HOẠT ĐỘNG



Lễ công bố xã Phương Linh, huyện Bạch Thông đạt chuẩn nông thôn mới



Hội thảo khởi nghiệp lĩnh vực Nông - Lâm nghiệp tại Thành phố Bắc Kạn

MỘT SỐ HÌNH ẢNH HOẠT ĐỘNG TRONG CÔNG TÁC KHUYẾN NÔNG



*Các đại biểu tham quan mô hình trồng thử nghiệm một số giống lúa mới vụ mùa năm 2019
tại xã Quảng Chu, huyện Chợ Mới*



*Mô hình nuôi gà theo chuỗi liên
kết sản xuất gắn với tiêu thụ
sản phẩm của hộ ông Nông
Văn Thoảng tại xã Yên Đĩnh,
huyện Chợ Mới*

KHUYẾN NÔNG **BẮC KẠN**

ĐỊA CHỈ: Tổ 9, phường Phùng Chí Kiên,
TP Bắc Kạn, tỉnh Bắc Kạn
ĐT: 02093.875.652;
Email: ttnn.backan.gov.vn;

CHỊU TRÁCH NHIỆM XUẤT BẢN:
Thạc sĩ Hoàng Văn Hùng

CHỊU TRÁCH NHIỆM NỘI DUNG:
Ks Chu Thế Nam

Giấy phép xuất bản số: 07/GP-XBBT, ngày 11 tháng 02 năm 2020
do Sở Thông tin & Truyền thông Bắc Kạn cấp.
Phát hành 4 số/năm.
Số lượng in: 100 cuốn/số. Kích thước 19x27cm.

BIÊN TẬP & TRÌNH BÀY:
Ks Bế Ngọc Công
Ths Vũ Thị Quỳnh Thu
Ks Nguyễn Thị Ninh